

QUẢN LÝ CỬA HÀNG XE MÁY		
Họ tên:	Trần Vĩnh Huy	Trần Bùi Ty Ty
MSSV:	3122411072	3122411241
Lớp:	DCT122C2	DCT122C2
GVHD:	TS. Nguyễn Quốc Huy	

### Nguồn tham khảo nghiệp vụ:

- [Các tuyệt chiêu quản lý kho hiệu quả cho các cửa hàng xe máy](#)
- [Quy trình quản lý kho chuẩn | 7 bước quản lý kho hiệu quả](#)
- <https://www.motosoft.vn/tinh-nang-1065.html#1092>
- <https://www.trituevietvn.com/chi-tiet/-PHAM-MEM-QUAN-LY-CUA-HANG-XE-26>
- **Báo cáo thống kê:**  
<https://www.honda.com.vn/tin-tuc/doanh-so-ban-hang/honda-viet-nam-cong-bo-ketqua-kinh-doanh-thang-11-2022>
- **Quy trình quản lý kho:** <https://itgtechnology.vn/quy-trinh-quan-ly-kho/>
  - [Bài 05 - Quản lý Kho hàng + Bán hàng | Danh mục hàng hóa \[Phần 1\] | KhoaCodeTV](#)
  - [Bài 12 - Quản lý Kho hàng + Bán hàng | Quản lý tồn kho | KhoaCodeTV](#)
- **Nghiệp vụ bán hàng trong doanh nghiệp:**  
<https://amis.misa.vn/29707/nghiep-vu-ke-toan-ban-hang-trong-doanh-nghiep/>
- **Quản lý khách hàng :**<https://1office.vn/quan-ly-khach-hang>
- **Quản lý nhân viên**  
[https://youtu.be/LpECOKccQA?si=sdcvfA55\\_DHUE2hb](https://youtu.be/LpECOKccQA?si=sdcvfA55_DHUE2hb) (Quản lý nhân sự | Quản lý chấm công)

### Overview:

1. Xác định feature / actor
2. Các use case
3. Use case
4. Focused Use-case

## 1. Xác định feature / actor

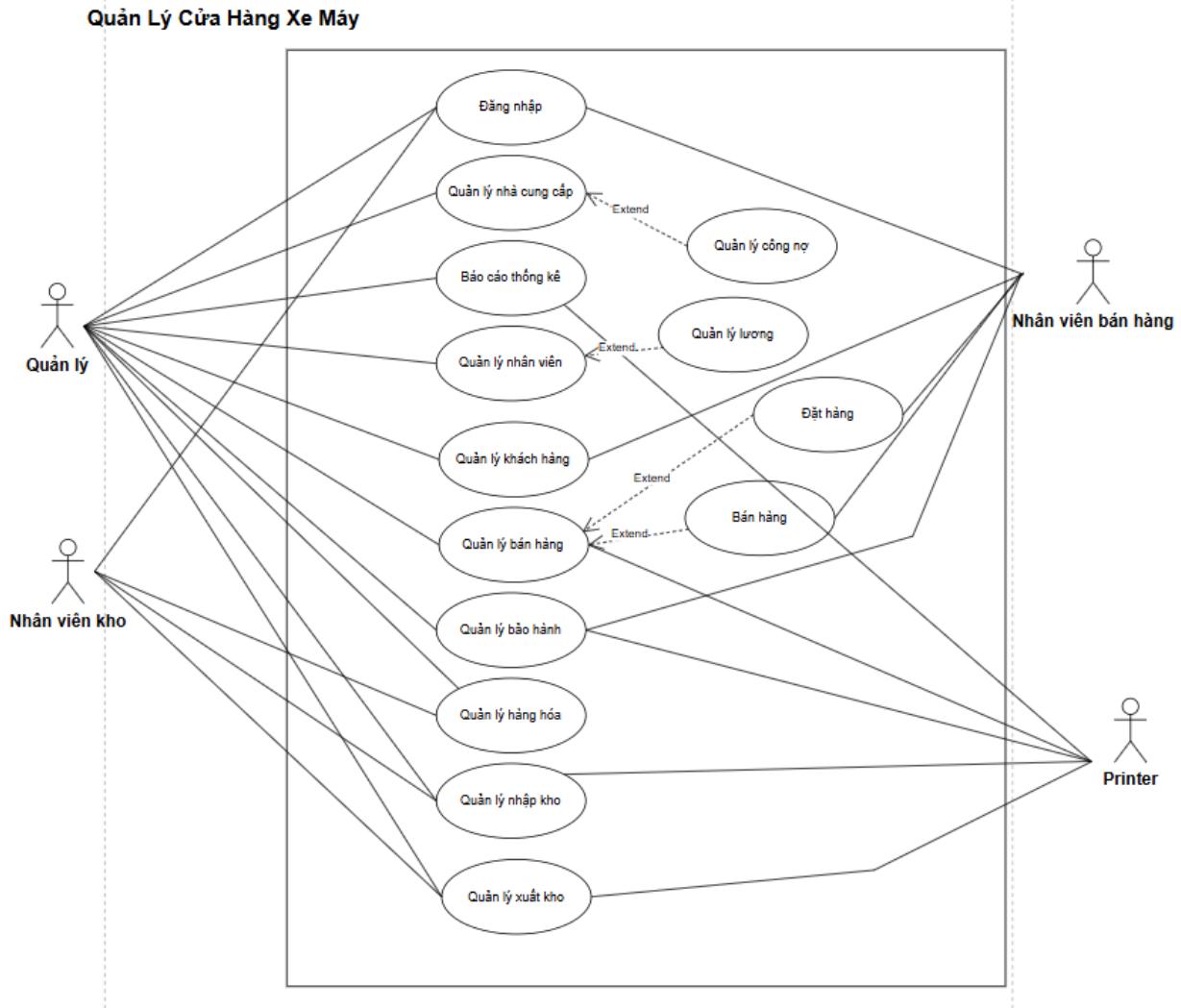
Actor	Feature
Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng nhập</li> <li>- Quản lý nhân viên.</li> <li>- Quản lý khách hàng.</li> <li>- Quản lý hàng hóa.</li> <li>- Quản lý nhà cung cấp.</li> <li>- Báo cáo, thống kê.</li> <li>- Quản lý nhập kho.</li> <li>- Quản lý xuất kho.</li> <li>- Lập phiếu bảo hành.</li> <li>- Quản lý bán hàng</li> </ul>
Nhân viên kho	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng nhập</li> <li>- Quản lý nhập kho</li> <li>- Quản lý xuất kho.</li> <li>- Quản lý hàng hóa.</li> </ul>
Nhân viên bán hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng nhập</li> <li>- Quản lý bán hàng</li> <li>- Lập phiếu bảo hành.</li> <li>- Quản lý khách hàng</li> </ul>
Pinter	In các phiếu, danh sách số liệu, báo cáo thống kê.

## 2. Các Use case

ID	Tên Use Case	Mô tả
UC01	Đăng nhập	Người dùng thực hiện việc đăng nhập để hệ thống cấp quyền hạn của tác nhân đó
UC02	Quản lý nhân viên	Quản lý cửa hàng sẽ quản lý tất cả các thông tin về các nhân viên trong cửa hàng.

UC03	Quản lý lương	Quản lý cửa hàng sẽ quản lý tất cả các thông tin về lương của các nhân viên trong cửa hàng.
UC04	Quản lý tài khoản	Quản lý cửa hàng sẽ quản lý tất cả các thông tin về quyền hạn của các nhân viên trong cửa hàng.
UC05	Quản lý hàng hóa	Quản lý cửa hàng và nhân viên kho sẽ quản lý tất cả các sản phẩm có trong cửa hàng.
UC06	Quản lý khách hàng	Quản lý cửa hàng sẽ quản lý tất cả các khách hàng đã mua xe trong cửa hàng.
UC07	Quản lý nhà cung cấp	Quản lý cửa hàng sẽ quản lý tất cả các nhà cung cấp xe trong cửa hàng
UC08	Quản lý công nợ	Quản lý cửa hàng sẽ quản lý tất cả các thông tin về số tiền đã thanh toán, nợ của các nhà cung cấp trong cửa hàng.
UC09	Quản lý bán hàng	Quản lý hoặc nhân viên cửa hàng sẽ xem được các đơn bán hàng và đặt hàng trong hệ thống
UC10	Đặt hàng	Quản lý hoặc nhân viên bán hàng thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến đặt cọc xe cho khách và gửi yêu cầu xuất xe đến kho.
UC11	Bán hàng	Chức năng này cho phép thực hiện các thao tác bán xe cho khách hàng sau khi xe được xuất kho
UC012	Lập phiếu bảo hành	Quản lý hoặc nhân viên cửa hàng sẽ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến bảo hành sản phẩm sau khi xe đã được mua và hóa đơn bán hàng đã được tạo.
UC13	Báo cáo, thống kê	Quản lý thống kê doanh thu từ các hóa đơn được thanh toán, tồn kho, số lượng xuất/nhập kho.
UC14	Quản lý nhập kho	Quản lý hoặc nhân viên kho sẽ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nhập sản phẩm vào kho.
UC15	Quản lý xuất kho	Quản lý hoặc nhân viên kho sẽ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến xuất sản phẩm vào kho.

### 3. Use case



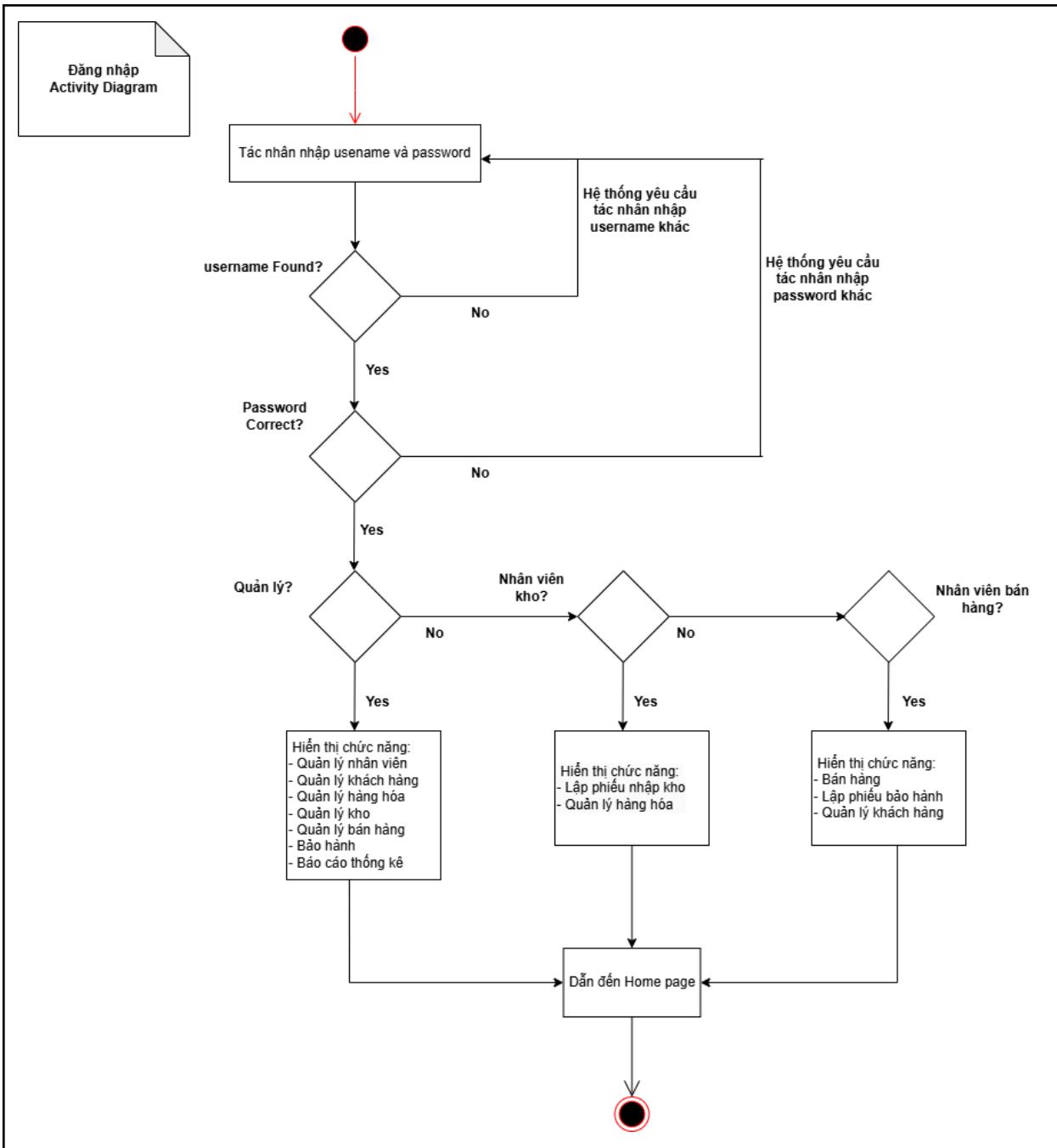
#### 4. Focused Use case

##### UC01. Đăng nhập

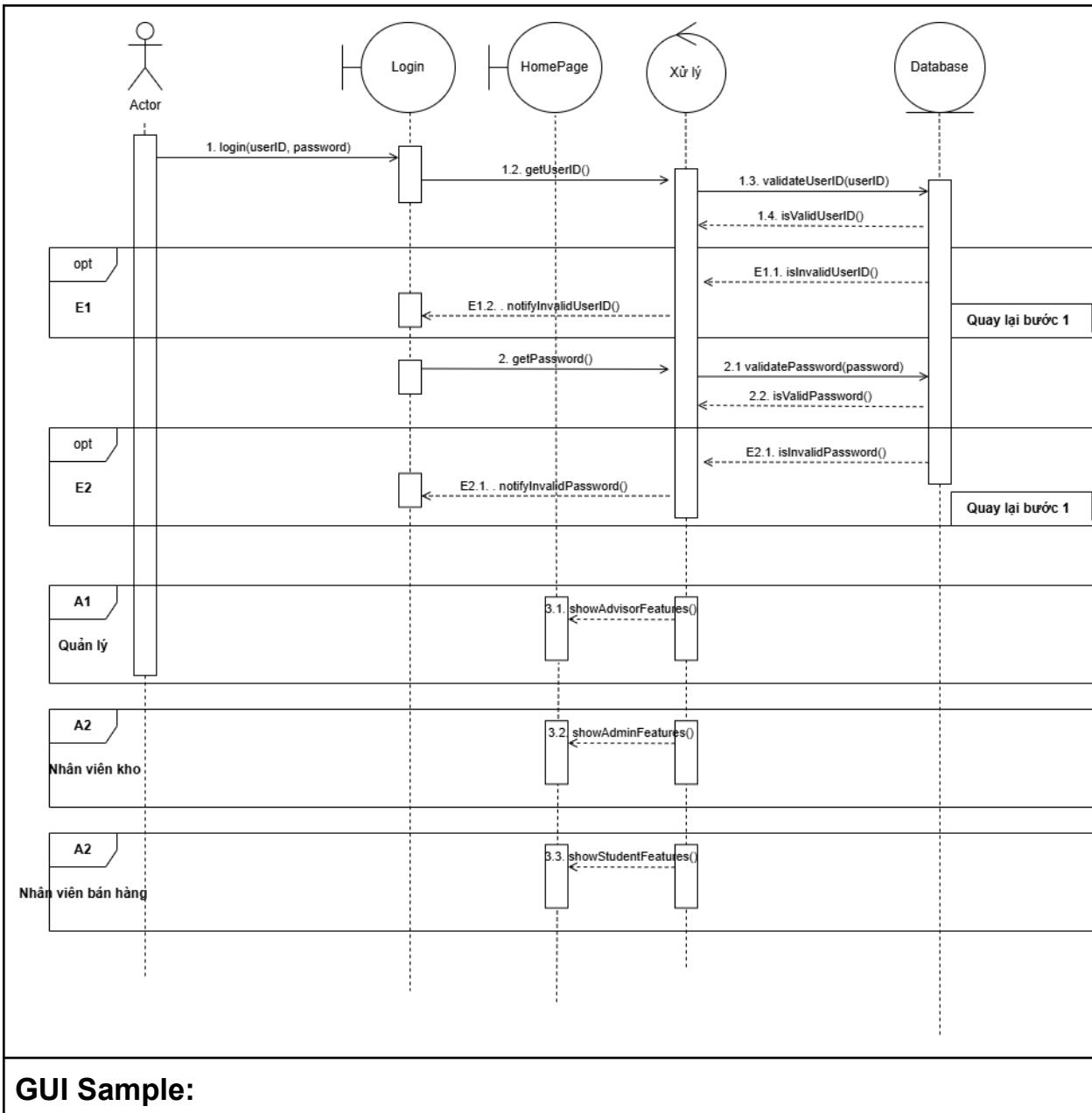
<pre> graph TD     Quản_lý --&gt; Đăng_nhập     Nhân_viên_bán_hàng --&gt; Đăng_nhập     Nhân_viên_kho --&gt; Đăng_nhập   </pre>		
<b>Use Case Number:</b>	UC01	
<b>Use case Name:</b>	Đăng nhập	
<b>Actor (s):</b>	Nhân viên quản lý, nhân viên kho, nhân viên hàng	
<b>Maturity:</b>	Focused	
<b>Summary:</b>	Nhân viên quản lý, nhân viên nhập kho, nhân viên xuất kho đăng nhập thành công vào hệ thống.	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Người dùng chọn mục “Đăng nhập vào hệ thống”.	
		2. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập.

	<p>3. Người dùng nhập username và password.</p>	
	<p>4. Người dùng ấn nút “Đăng nhập”.</p>	
		<p>5. Hệ thống đăng nhập thành công và hiển thị các chức năng của người dùng. <b>E1,E2</b></p> <p>Quản lý có thể sử dụng chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quản lý nhân viên.</li> <li>+ Quản lý khách hàng.</li> <li>+ Quản lý hàng hóa.</li> <li>+ Quản lý nhà cung cấp.</li> <li>+ Quản lý kho.</li> <li>+ Quản lý bảo hành.</li> <li>+ Báo cáo, thống kê.</li> <li>+ Đăng xuất</li> </ul> <p>Nhân viên kho có thể sử dụng chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quản lý kho.</li> <li>+ Đăng xuất.</li> </ul> <p>Nhân viên cửa hàng có thể sử dụng chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quản lý bán hàng.</li> <li>+ Đăng xuất</li> </ul>
		<p>6. Hệ thống dẫn tác nhân đến trang chính.</p>
<b>Alternative Paths:</b>	None	
<b>Exception Paths:</b>	<p><b>E1.</b> Nếu hệ thống không tìm thấy username trong database, hệ thống thông báo người dùng rằng username</p>	

	<p>không tìm thấy và quay trở lại bước 1 basic course of events.</p> <p><b>E2.</b> Nếu hệ thống tìm thấy username trong database nhưng người dùng nhập sai password so với password trong database cho username đó, hệ thống thông báo người dùng rằng mật khẩu không chính xác và quay trở lại bước 1 basic course of events.</p>
<b>Extension Points:</b>	None
<b>Triggers:</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác nhân truy cập website nhưng chưa bắt đầu Session.</li> <li>- Session của tác nhân hết thời gian chờ / hoạt động.</li> <li>- Tác nhân kết thúc Session bằng lựa chọn Đăng xuất.</li> </ul>
<b>Preconditions:</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác nhân truy cập hệ thống nhưng chưa có Session hiện hữu, vì thế tác nhân được chuyển đến trang đăng nhập.</li> </ul>
<b>Postconditions:</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác nhân bắt đầu Session.</li> <li>- Tác nhân truy cập trang Home.</li> <li>- Tác nhân có thể truy cập các chức năng trong quyền hạn.</li> </ul>
<b>Activity Diagram:</b>	



### Sequence Diagram:





Form1

The main dashboard is titled "QUẢN LÝ" (Management). It features ten icons arranged in two rows of five. The top row includes icons for "NHÂN VIÊN" (Employee), "TÀI KHOẢN" (Account), "HÀNG HOÁ" (Goods), "NHÀ CUNG CẤP" (Supplier), and "KHÁCH HÀNG" (Customer). The bottom row includes icons for "BÁN HÀNG" (Sales), "NHẬP KHO" (Inventory Purchase), "XUẤT KHO" (Inventory Sale), "BẢO HÀNH" (Warranty), and "THỐNG KÊ" (Statistics). Each icon is accompanied by a small descriptive text label below it.

Category	Icon	Description
NHÂN VIÊN	User icon	Employee
TÀI KHOẢN	Account icon	Account
HÀNG HOÁ	Motorcycle icon	Goods
NHÀ CUNG CẤP	Supplier icon	Supplier
KHÁCH HÀNG	Customer icon	Customer
BÁN HÀNG	Sales icon	Sales
NHẬP KHO	Inventory Purchase icon	Inventory Purchase
XUẤT KHO	Inventory Sale icon	Inventory Sale
BẢO HÀNH	Warranty icon	Warranty
THỐNG KÊ	Statistics icon	Statistics

Form1

## NHÂN VIÊN BÁN HÀNG



BẢO HÀNH



BÁN HÀNG



KHÁCH HÀNG

Form1

## NHÂN VIÊN KHO



HÀNG HOÁ



NHẬP KHO



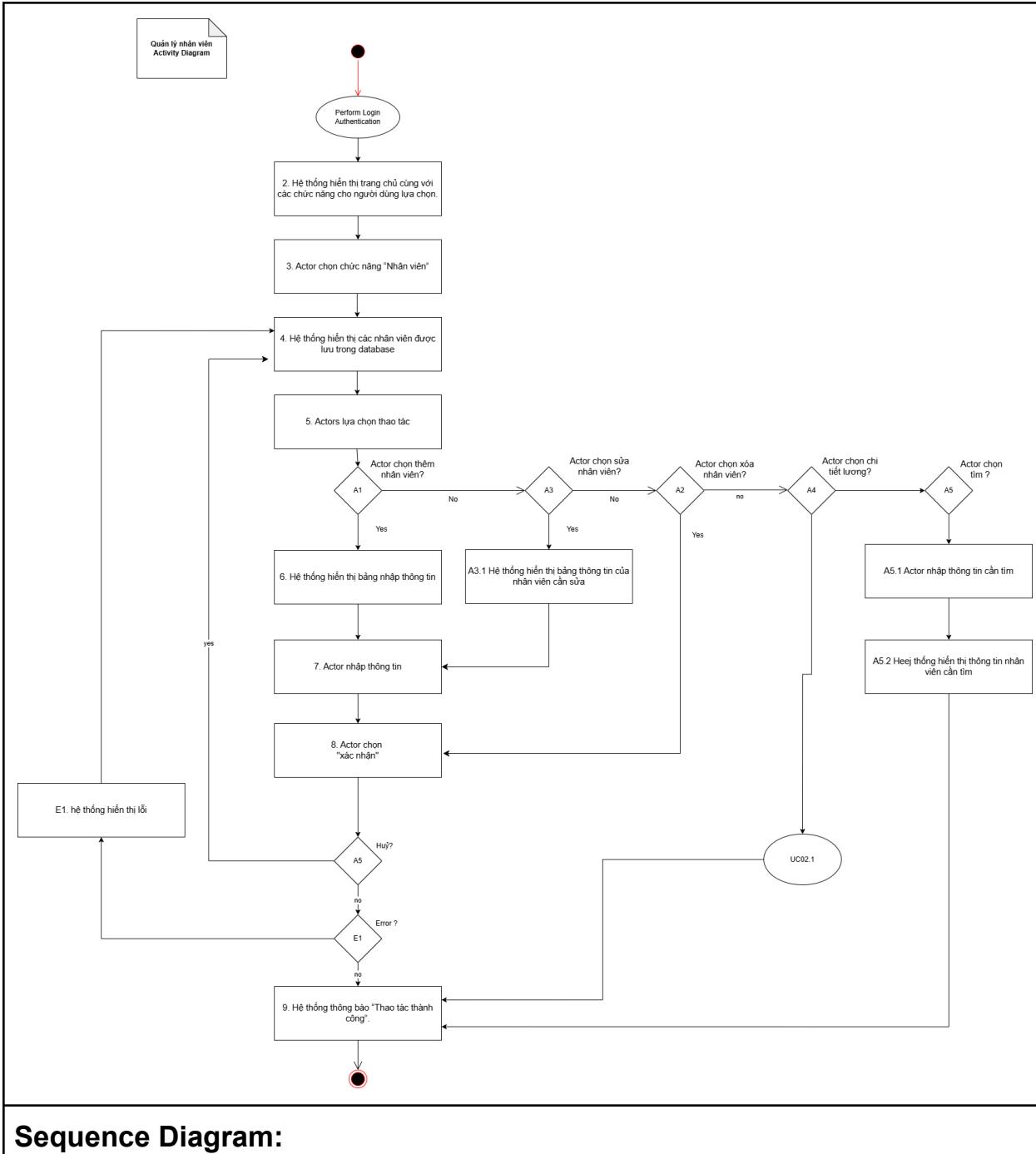
XUẤT KHO

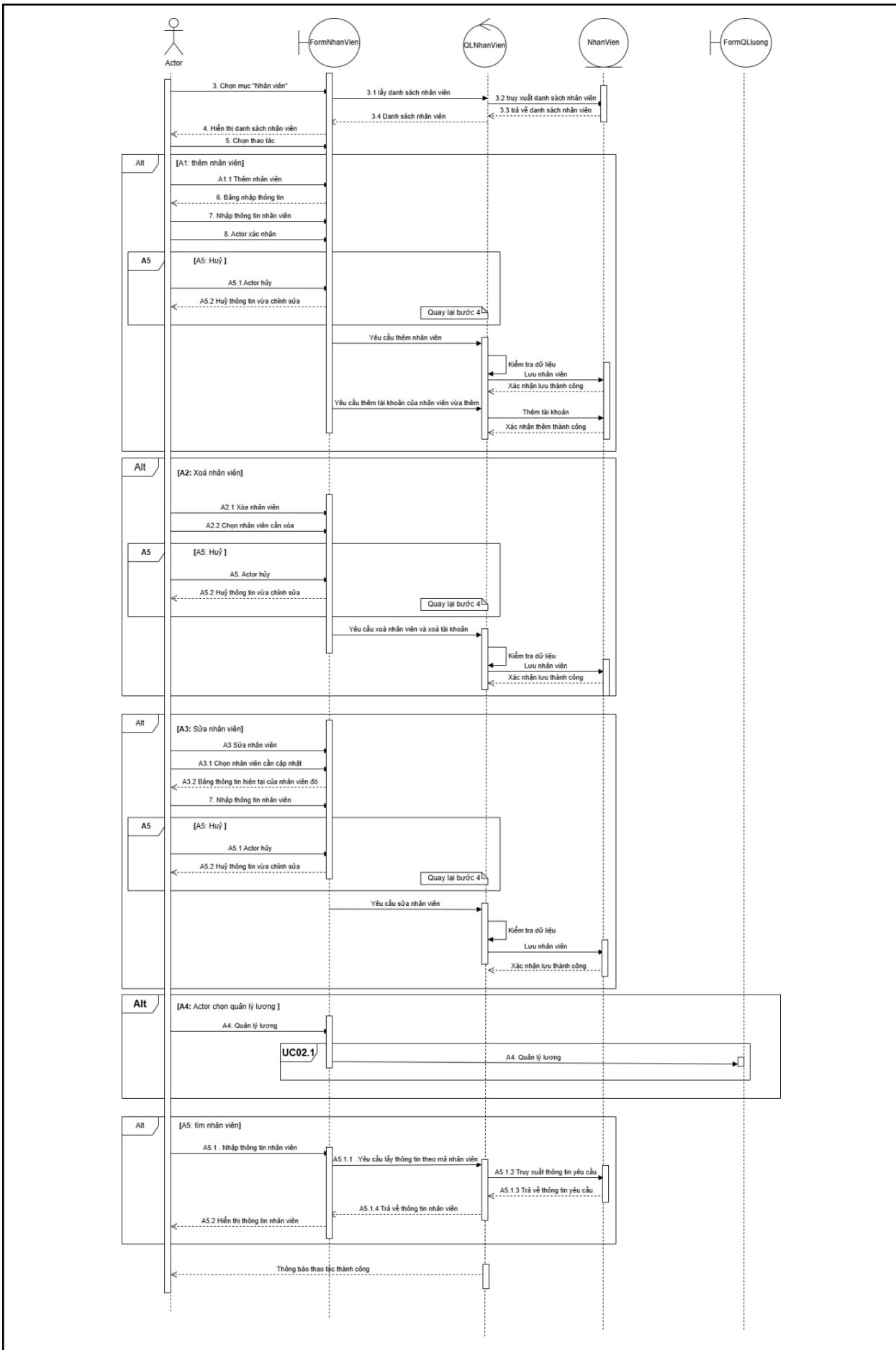
## UC02. Quản lý nhân viên

<pre> graph LR     Actor((Quản lý)) --- ManagerBoundary[Quản lý nhân viên]     ManagerBoundary -- "Include" --&gt; Login((Đăng nhập))     ManagerBoundary -- "extend" --&gt; Salary((Quản lý lương))   </pre>		
<b>Use Case Number:</b>	UC02	
<b>Use case Name:</b>	Quản lý nhân viên	
<b>Actor (s):</b>	Nhân viên quản lý	
<b>Maturity:</b>	Focused	
<b>Summary:</b>	Nhân viên quản lý thêm, sửa hoặc xóa, tìm kiếm, quản lý lương nhân viên	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Xác nhận { Đăng nhập }	
		2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.
	3. Actor chọn chức năng “Nhân viên”	
		4. Hệ thống hiển thị các tài khoản được lưu trong database

	5. Actors lựa chọn thao tác . <b>A1, A2, A3, A4</b>	
		6. Hệ thống yêu cầu nhập thông tin
	7. Actor nhập thông tin	
	8. Actor chọn “Xác nhận” <b>A5,E1</b>	
		9. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database. <b>Use case kết thúc.</b>
<b>Alternative Paths:</b>	<b>A1.</b> Actor chọn thêm nhân viên, hệ thống quay lại bước 6 <b>Basic Course of Events</b>	
	<b>A2.</b> Actor chọn tài khoản cần xóa và quay lại bước 8 <b>Basic Course of Events.</b>	
	<b>A3.</b> Actor chọn sửa thông tin	
		1. Hệ thống hiển thị bảng thông tin của nhân viên cần sửa và quay lại bước 7 <b>Basic Course of Events.</b>
	<b>A4.</b> Actor chọn “Chi tiết lương”	
		2. Hệ thống hiển thị bảng giờ công của nhân viên Di chuyển sang <b>focus Use Case 02.1</b>
	<b>A5.</b> Actor chọn “Tìm”	
	1. Actor nhập thông tin cần tìm	
		2. Hệ thống hiển thị

		thông tin nhân viên cần tìm
		<b>A6.</b> Actor chọn “Huỷ”, hệ thống quay trở lại bước 4 <b>basic course of events</b> .
<b>Exception Paths:</b>		<b>E1.</b> Kiểm tra nếu có lỗi thì hiển thị thông báo lỗi, quay lại bước 4 <b>basic course of events</b> .
<b>Extension Points:</b>		Quản lý lương
<b>Business Rule</b>		Khi quản lý thêm nhân viên hệ thống sẽ tự động thêm tài khoản nhân viên với username là mã nhân viên, pass là ngày sinh nhân viên, phân quyền mặc định là nhân viên bán hàng
<b>Triggers:</b>		Khi có yêu cầu từ cấp trên
<b>Preconditions:</b>		Đăng nhập vào hệ thống
<b>Postconditions:</b>		Cập nhật thông tin trên database
<b>Activity Diagram:</b>		





## GUI Sample:

Form1

### Quản Lý Nhân Viên

Mã NV:  Tên nhân viên:  Tìm

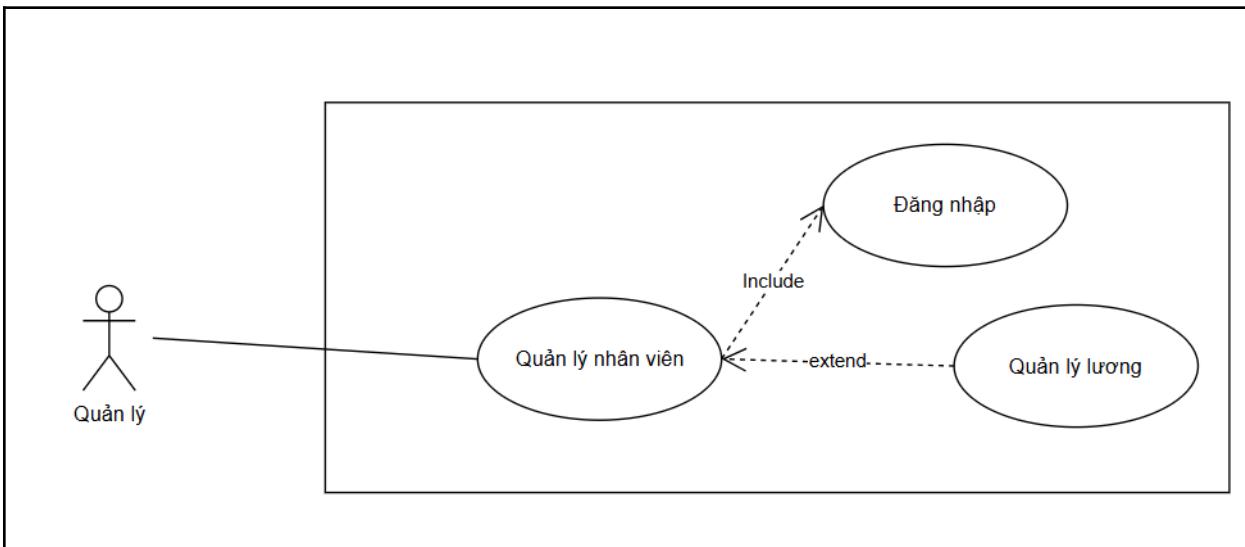
Thêm Sửa Xóa Save Hủy

Danh sách nhân viên

Mã NV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ	Số điện thoại	Chức vụ	CCCD	Ngày vào làm
NV01	Nguyễn Văn A	Nam	01/01/1990	TPHCM	0911223344	Quản lý	0547965874	1/1/2022
NV02	Nguyễn Văn B	Nam	02/02/1990	Hà Nội	0922334455	Nhân viên kho	0596658713	1/1/2022
NV03	Nguyễn Văn C	Nữ	03/02/1990	Đà Nẵng	0933445566	Nhân viên bán hàng	0239845687	1/1/2022

Quản lý lương

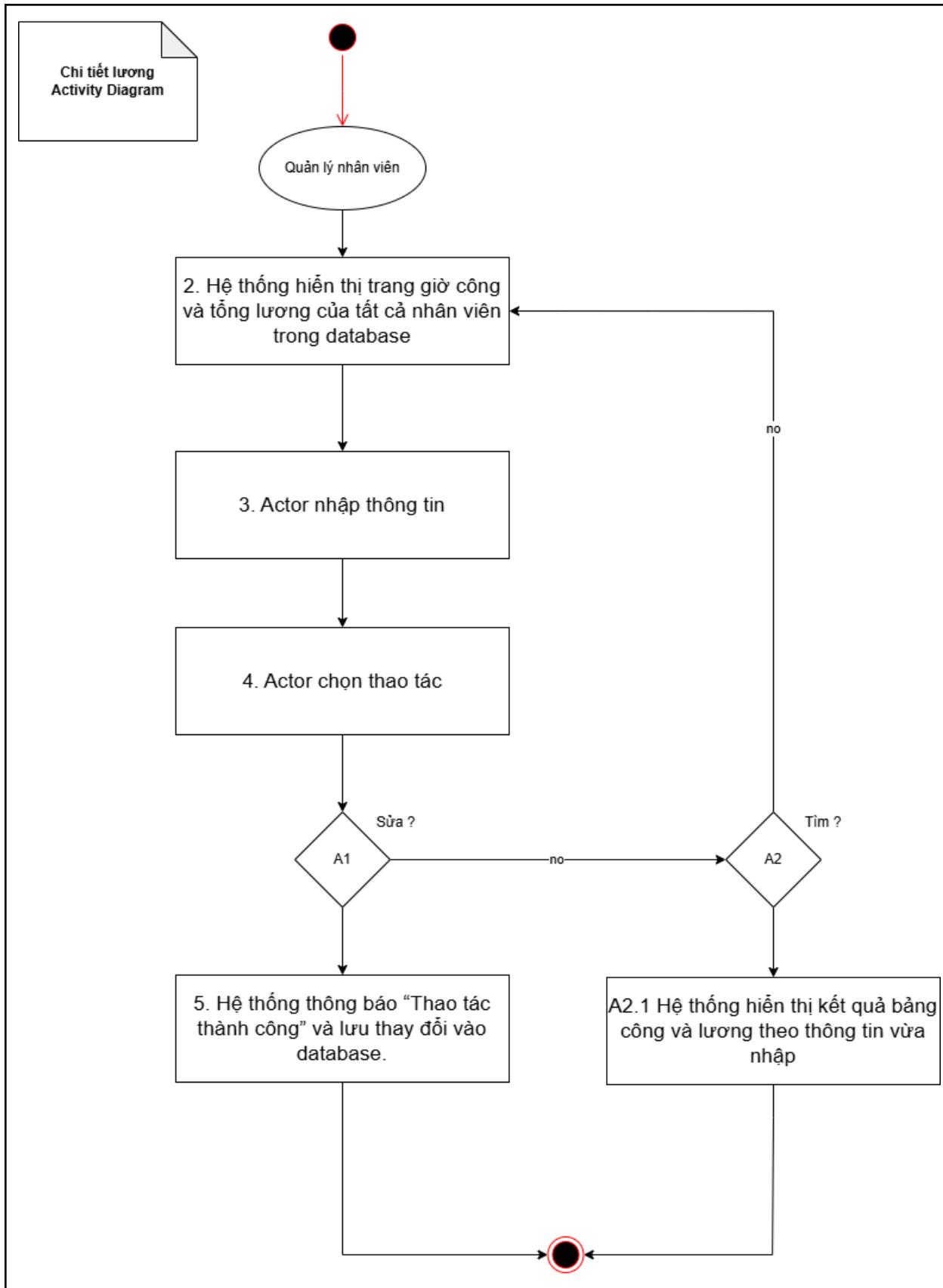
## UC03 Quản lý lương



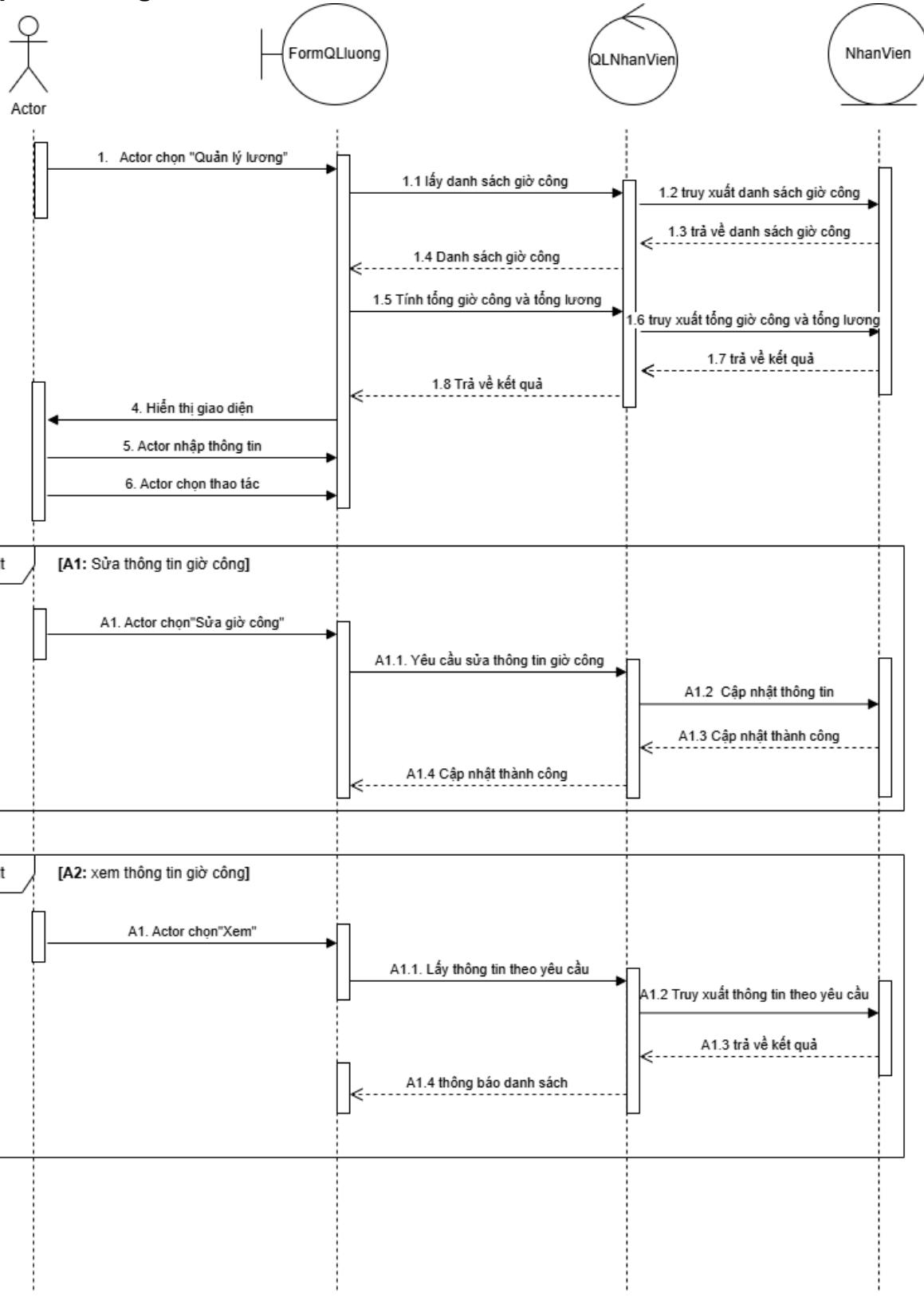
Use Case Number:	UC03
Use case Name:	Quản lý lương
Actor (s):	Nhân viên quản lý
Maturity:	Focused

<b>Summary:</b>	Quản lý cửa hàng sẽ quản lý tất cả các thông tin về lương của các nhân viên trong cửa hàng.	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Actor chọn “Quản lý lương” {Quản lý nhân viên}	
		2. Hệ thống hiển thị trang giờ công của tất cả nhân viên trong database
	3. Actor nhập thông tin	
	4. Actor chọn thao tác <b>A1, A2</b>	
<b>Alternative Paths:</b>	5. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database. <b>Use case kết thúc.</b>	
	<b>A1.</b> Actor chọn “sửa giờ công”	
	<b>A2.</b> Actor chọn “Tìm”	
<b>Exception Paths:</b>	<b>E1.</b> Kiểm tra nếu có lỗi thì hiển thị thông báo lỗi, quay lại bước 4 <b>basic course of events</b> .	
<b>Extension Points:</b>	None	
<b>Triggers:</b>	Chọn “Quản lý lương” từ chức năng quản lý nhân viên	
<b>Preconditions:</b>	Đăng nhập vào hệ thống	
<b>Postconditions:</b>	Cập nhật thông tin trên database	

**Activity Diagram:**



## Sequence Diagram:



### GUI Sample:

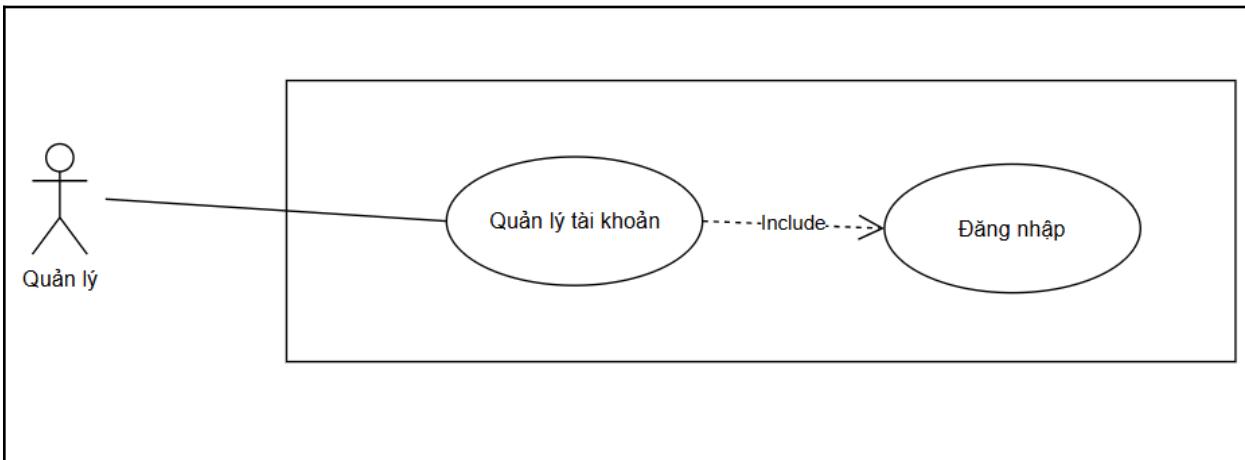
Quản Lý Nhân Viên

Nhân viên: Nguyễn văn A - ID: NV01 Ngày: 1 Tháng: 1 Năm: 2024 Xem

Tổng lương: 1.500.000 vnđ      Tổng giờ làm: 19      Sửa giờ công

Mã NV	Giờ vào làm	Giờ tan làm	Hệ số lương	Thời gian tăng ca
NV01	1/1/2024 - 08:00:05	19/11/2024 - 17:00:05	4	0
NV01	2/1/2024 - 00:00:00	2/1/2024 - 00:00:00	1	0
NV01	3/1/2024 - 07:50:05	3/11/2024 - 18:00:05	1	01:00:00

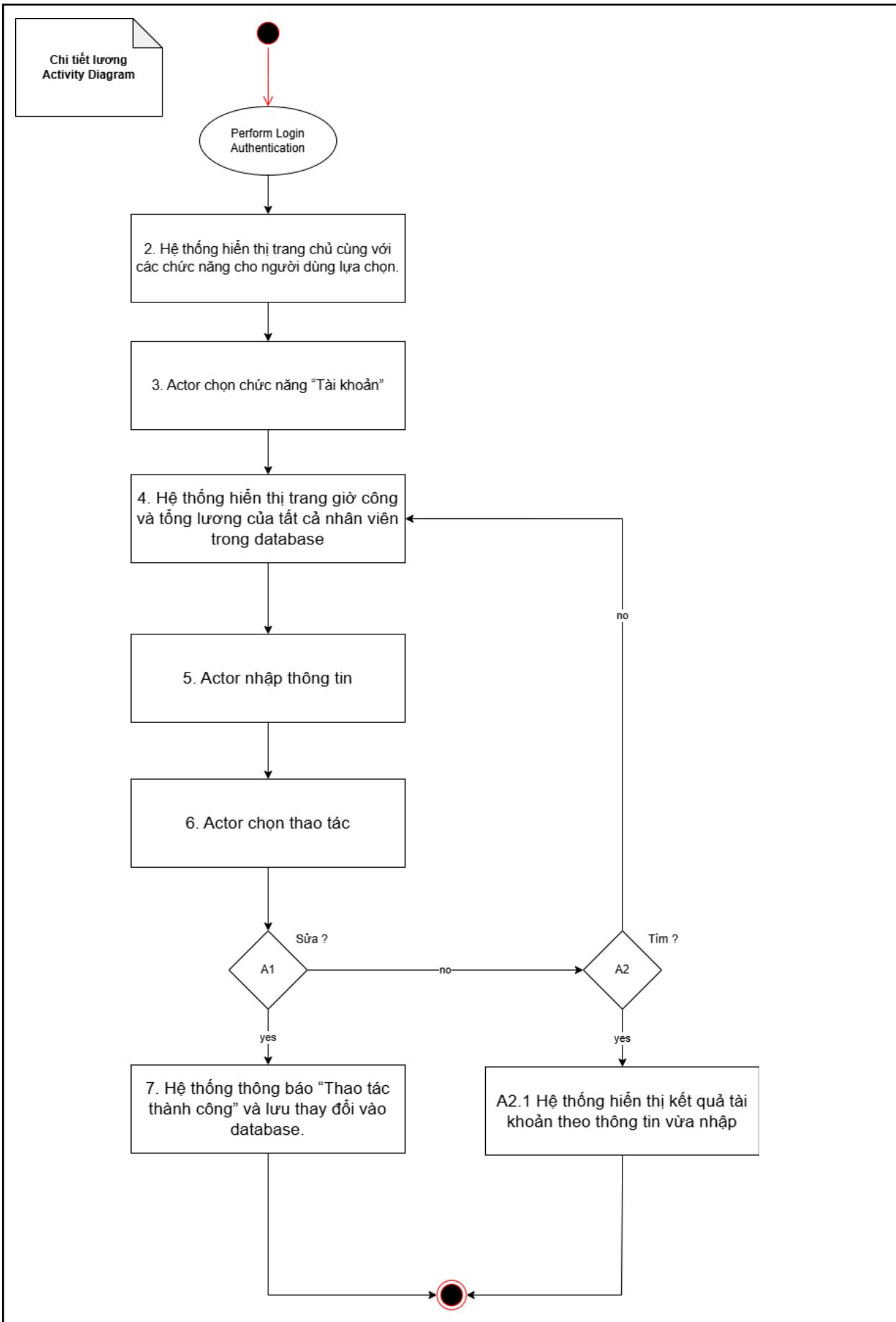
### UC04 Quản lý tài khoản



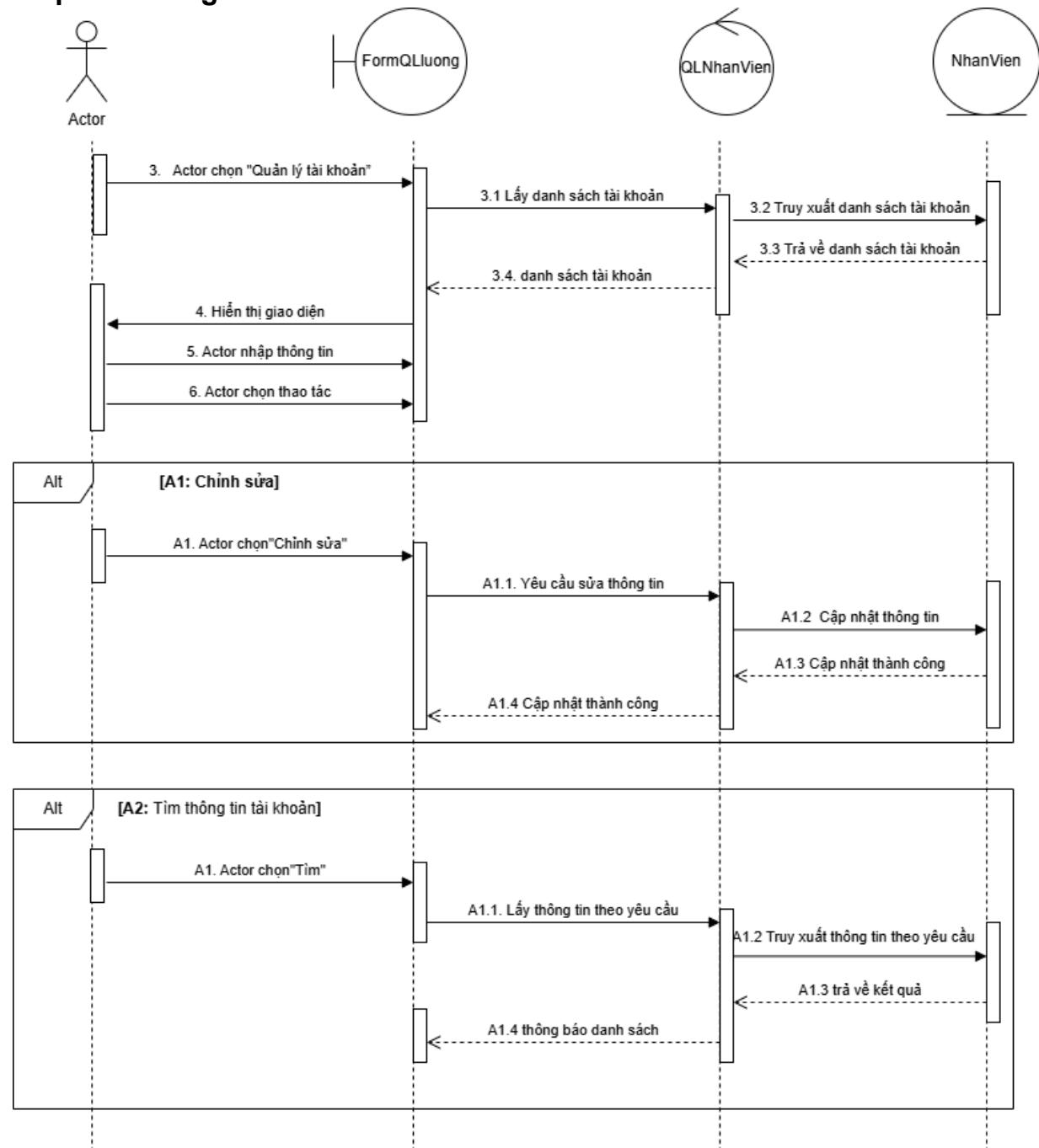
Use Case Number:	UC04
Use case Name:	Quản lý tài khoản
Actor (s):	Nhân viên quản lý
Maturity:	Focused
Summary:	Nhân viên quản lý tìm tài khoản, chỉnh sửa tài

	khoản		
	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>	
<b>Basic Course of Events:</b>	1. Xác nhận {Đăng nhập}		
		2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.	
	3. Actor chọn chức năng “Tài khoản”		
		4. Hệ thống hiển thị trang quản lý tài khoản của tất cả nhân viên trong database	
	5. Actor nhập thông tin		
	6. Actor chọn thao tác A1, A2		
		7. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database. <b>Use case kết thúc.</b>	
<b>Alternative Paths:</b>	<b>A1.</b> Actor chọn “sửa”		
	<b>A2.</b> Actor chọn “Tìm”		
		1. Hệ thống hiển thị kết quả tài khoản nhân viên theo thông tin vừa nhập <b>Use case kết thúc.</b>	
<b>Exception Paths:</b>	<b>E1.</b> Kiểm tra nếu có lỗi thì hiển thị thông báo lỗi, quay lại bước 4 <b>basic course of events</b> .		
<b>Extension Points:</b>	None		
<b>Triggers:</b>	Actor phải thực hiện đăng nhập thành công		

<b>Preconditions:</b>	Đăng nhập vào hệ thống
<b>Postconditions:</b>	Cập nhật thông tin trên database
<b>Activity Diagram:</b>	



## Sequence Diagram:



## GUI Sample:

Form1

## Quản Lý Tài Khoản

Nhân viên Nguyen văn A - ID: NV01

Tìm

Chỉnh sửa

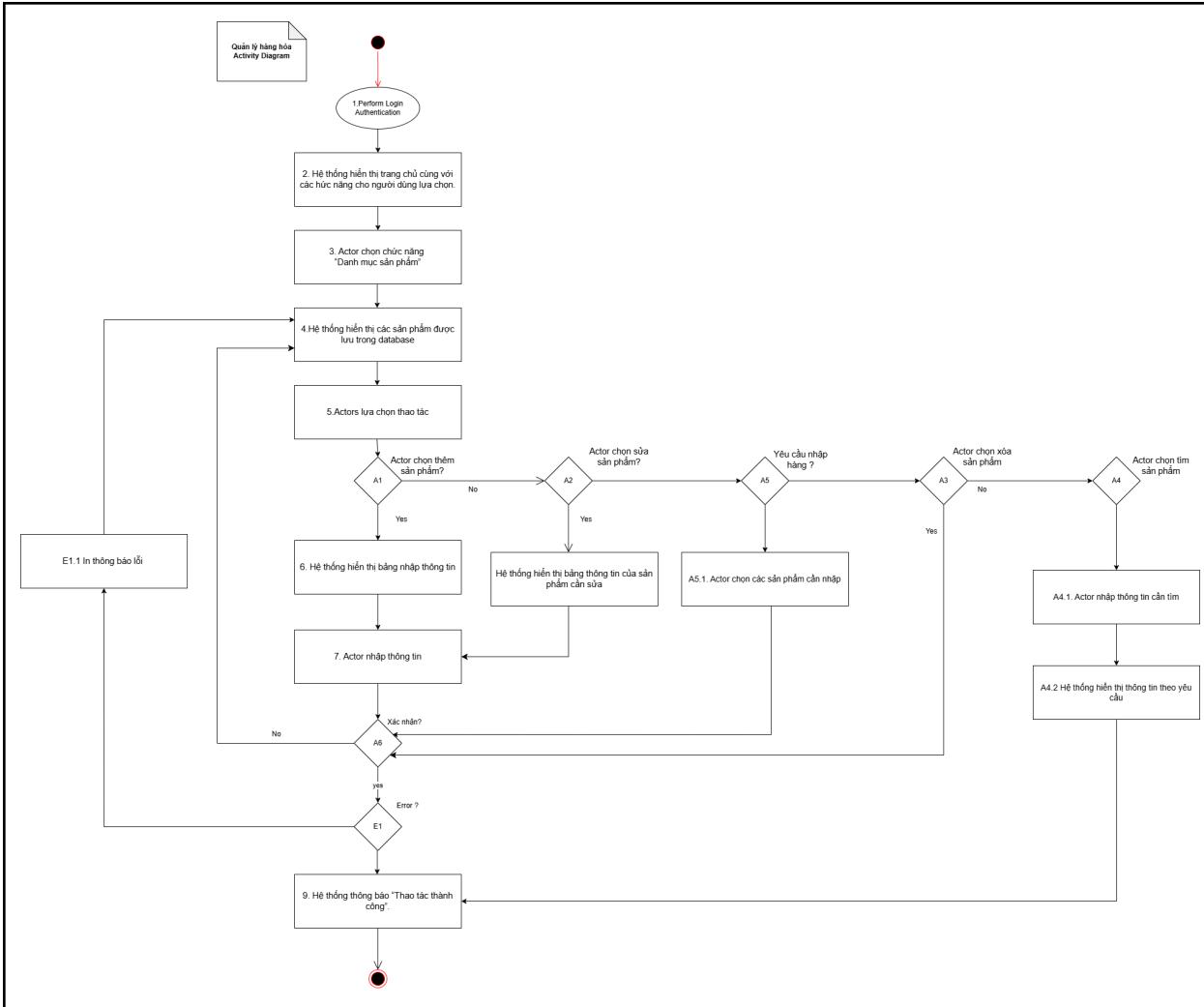
Mã NV	Mã tài khoản	Username	Password	Phân quyền	Trạng thái
NV01	TK01	a@gmail	*****	Quản lý	Hoạt động
NV02	TK02	b@gmail	*****	Nhân viên kho	Khoá
NV03	TK03	c@gmail	*****	Nhân viên bán hàng	Hoạt động

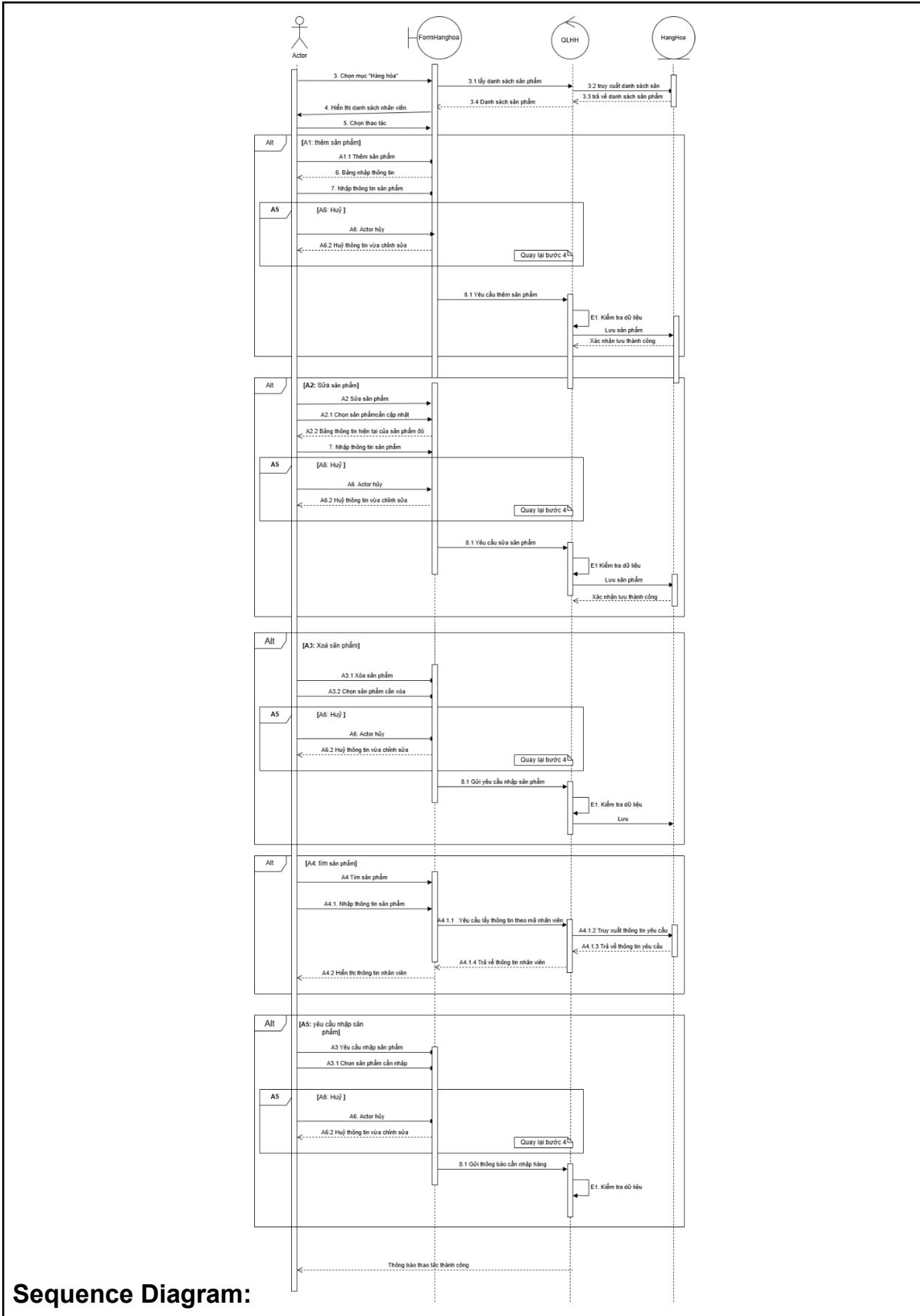
## UC05. Quản lý hàng hóa

<pre> graph LR     Actor1[Quản lý] --&gt; UC[Quản lý tài hàng hóa]     Actor2[Nhân viên kho] --&gt; UC     UC -.-&gt; UC2[Đăng nhập]     style UC fill:#fff,stroke:#000     style UC2 fill:#fff,stroke:#000     style Actor1 fill:#fff,stroke:#000     style Actor2 fill:#fff,stroke:#000     style UC fill:#fff,stroke:#000     style UC2 fill:#fff,stroke:#000     style Actor1 fill:#fff,stroke:#000     style Actor2 fill:#fff,stroke:#000   </pre>	
<b>Use Case Number:</b>	UC05
<b>Use case Name:</b>	Quản lý hàng hóa
<b>Actor (s):</b>	Nhân viên quản lý, nhân viên kho
<b>Maturity:</b>	Focused
<b>Summary:</b>	Nhân viên quản lý hoặc nhân viên kho thêm, sửa các sản phẩm có trên hệ thống.
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>
	1. Xác nhận { Đăng nhập }
	2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.
	3. Actor chọn chức năng “Sản phẩm”
	4. Hệ thống hiển thị các mặt hàng được lưu trong database
	5. Actors lựa chọn thao tác . A1, A2, A3, A4

		6. Hệ thống yêu cầu nhập thông tin
	7. Actor nhập thông tin	
	8. Actor chọn “Xác nhận” <b>A5,E1</b>	
		9. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database.  <b>Use case kết thúc.</b>
<b>Alternative Paths:</b>	<b>A1.</b> Actor chọn thêm mặt hàng mới, hệ thống quay lại bước 6 <b>Basic Course of Events</b>	
	<b>A2.</b> 1. Actor chọn sửa đặc điểm sản phẩm.	
		2. Hệ thống hiển thị bảng thông tin của sản phẩm cần sửa và quay lại bước 7 <b>Basic Course of Events</b> .
	<b>A3.</b> Actor chọn sản phẩm cần xóa và quay lại bước 8 <b>Basic Course of Events</b> .	
	<b>A4.</b> Actor chọn “Tìm”	
	1. Actor nhập thông tin cần tìm	
		2. Hệ thống hiển thị thông tin theo yêu cầu bước 9 <b>Basic Course of Events</b> .
	<b>A5.</b> Actor chọn “Yêu cầu nhập hàng” bước 8 <b>Basic Course of Events</b> .	

	<b>A6.</b> Actor chọn “Huỷ”, hệ thống quay trở lại bước 4 <b>Basic course of events.</b>
<b>Exception Paths:</b>	<b>E1.</b> Nếu có lỗi thì in thông báo và quay bước 4 <b>Basic course of events.</b>
<b>Extension Points:</b>	None
<b>Business Rule</b>	Nếu số lượng tồn kho $\leq 3$ thì hệ thống sẽ tự động bôi vàng dòng đó Các sản phẩm được yêu cầu nhập hàng sẽ được gửi thông báo lên cấp trên
<b>Triggers:</b>	Khi có yêu cầu từ cấp trên
<b>Preconditions:</b>	Đăng nhập vào hệ thống
<b>Postconditions:</b>	Cập nhật thông tin trên database
<b>Activity Diagram:</b>	





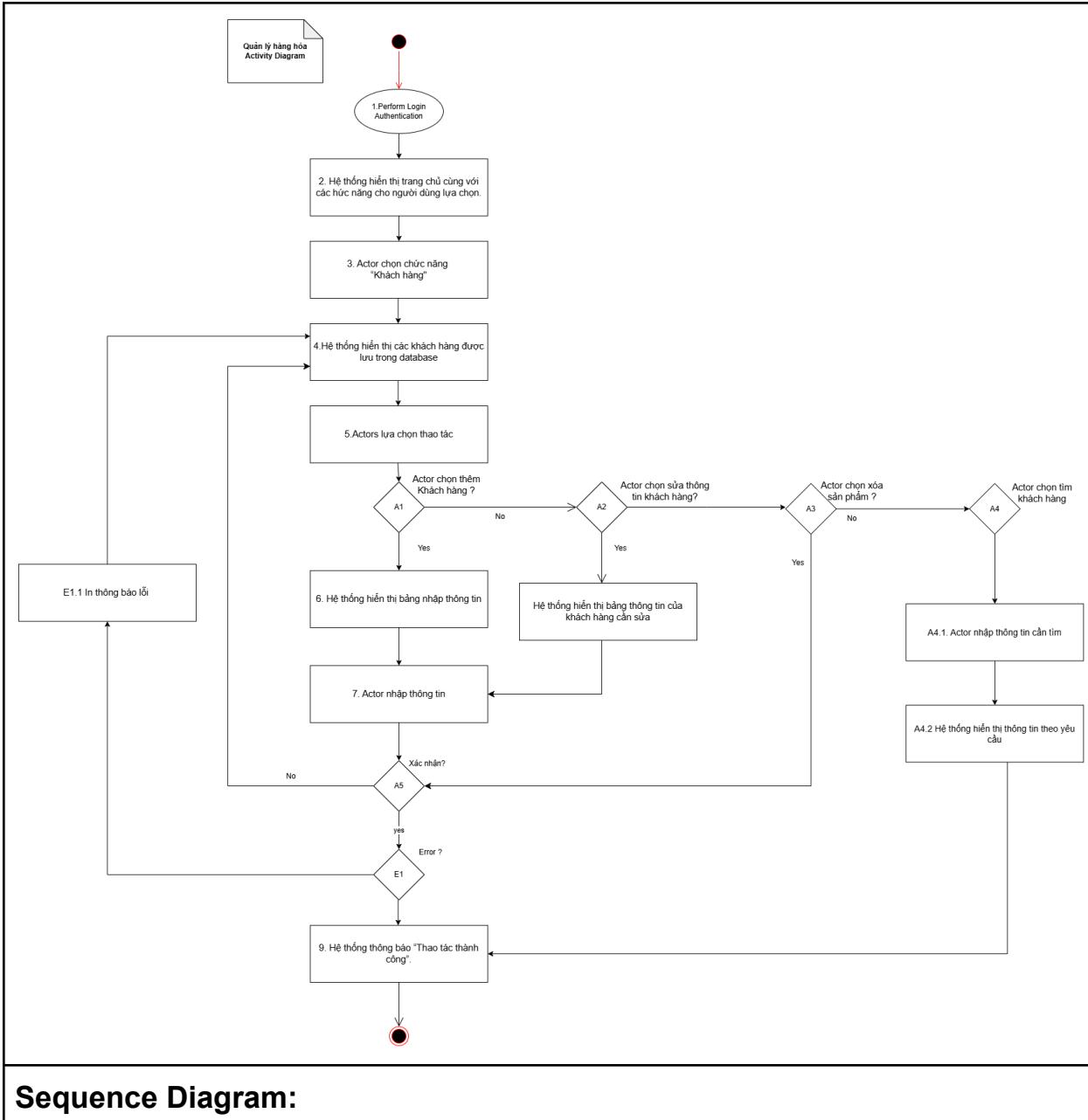
## GUI Sample:

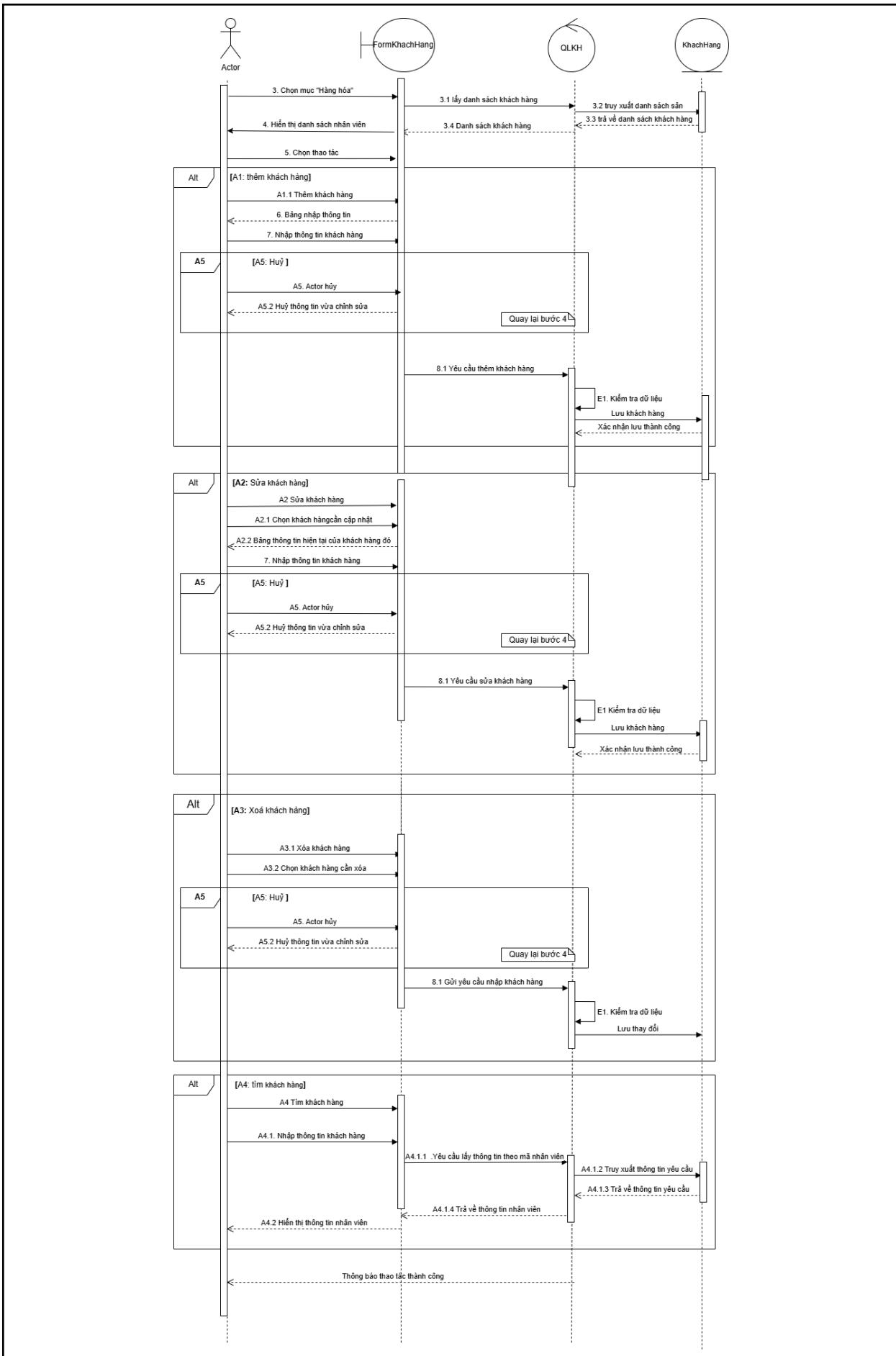
## UC06. Quản lý khách hàng

<pre> graph LR     NV[Nhân viên bán hàng] --- QL[Quản lý]     NV --- UC[Quản lý khách hàng]     QL --- UC     UC -.-&gt; Dangnhap([Đăng nhập])     style UC fill:#fff,stroke:#000,stroke-width:1px     style Dangnhap fill:#fff,stroke:#000,stroke-width:1px     </pre>		
<b>Use Case Number:</b>	UC06	
<b>Use case Name:</b>	Quản lý khách hàng	
<b>Actor (s):</b>	Nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng	
<b>Maturity:</b>	Focused	
<b>Summary:</b>	Actor nhập thêm thông tin khách hàng hoặc sửa thông tin vào hệ thống	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Xác nhận { Đăng nhập }	
		2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.
	3. Actor chọn chức năng “Khách hàng”.	
		4. Hệ thống hiển thị thông tin các khách hàng đã mua xe được lưu

		trong database
	5. Actors lựa chọn thao tác . <b>A1, A2, A3, A4</b>	
		6. Hệ thống hiển thị bảng nhập thông tin
	7. Actor nhập thông tin	
	8. Actor chọn “Xác nhận” <b>A5,E1</b>	
		9. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database.  <b>Use case kết thúc.</b>
<b>Alternative Paths:</b>	<b>A1.</b> Actor chọn thêm mặt hàng mới, hệ thống quay lại bước 6 <b>Basic Course of Events</b>	
	<b>A2.</b> 1. Actor chọn sửa thông tin khách hàng.	
		2. Hệ thống hiển thị bảng thông tin của khách hàng cần sửa và quay lại bước 7 <b>Basic Course of Events.</b>
	<b>A3.</b> Actor chọn khách hàng cần xóa và quay lại bước 8 <b>Basic Course of Events.</b>	
	<b>A4.</b> Actor chọn “Tìm”	
	1. Actor nhập thông tin cần tìm	

	<b>2.</b> Hệ thống hiển thị thông tin theo yêu cầu bước 9 <b>Basic Course of Events.</b>
	<b>A5.</b> Actor chọn “Huỷ”, hệ thống quay trở lại bước 4 <b>Basic course of events.</b>
<b>Exception Paths:</b>	<b>E1.</b> Nếu Mã KH đã tồn tại trong database, hệ thống thông báo người dùng rằng sản phẩm đã tồn tại và quay trở lại bước 6 <b>Basic course of events.</b>
<b>Extension Points:</b>	None
<b>Triggers:</b>	Khi có yêu cầu từ cấp trên
<b>Preconditions:</b>	Đăng nhập vào hệ thống
<b>Postconditions:</b>	Cập nhật thông tin trên database
<b>Activity Diagram:</b>	





## GUI Sample:

Quản Lý Khách Hàng

### Quản Lý Khách Hàng

Nhập thông tin khách hàng

Mã KH:  Họ tên:  Loại:  Tìm

Danh sách khách hàng

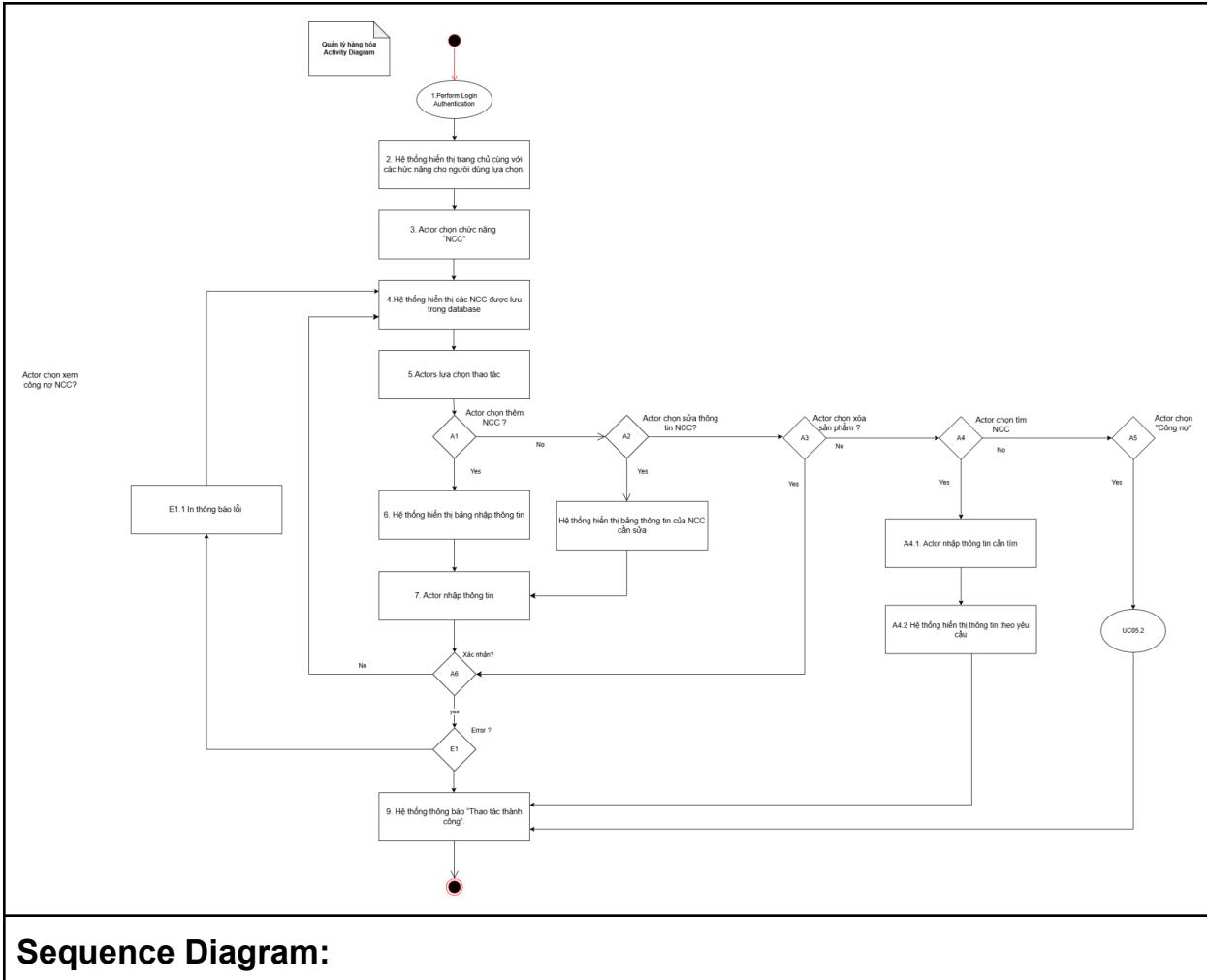
Mã KH	Họ tên	Giới tính	Địa chỉ	Ngày sinh	Số điện thoại	Loại	Trạng thái
KH01	Nguyễn Văn A	Nam	TPHCM	01/01/2000	0911223344	Vip <input type="button" value="▼"/>	Theo dõi
KH02	Nguyễn Văn B	Nam	Hà Nội	01/12/1988	0922334455	Thường <input type="button" value="▼"/>	Không

## UC07. Quản lý nhà cung cấp

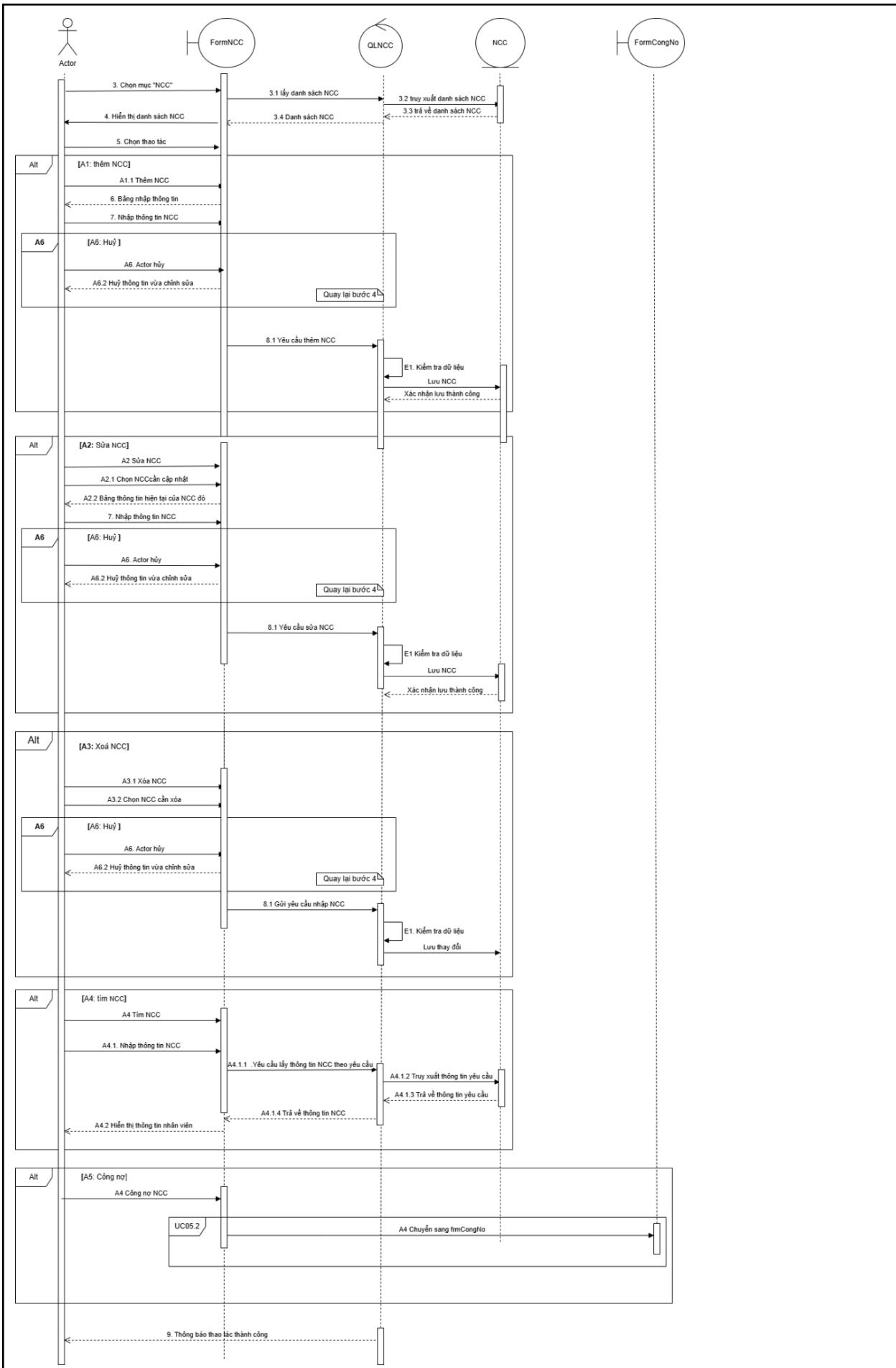
<pre> graph LR     Actor((Quản lý)) --- UC[Quản lý nhà cung cấp]     UC -.-&gt; Login([Đăng nhập])     UC -.-&gt; Extend[Quản lý công nợ]     style UC fill:#fff,stroke:#000,stroke-width:1px     style Login fill:#fff,stroke:#000,stroke-width:1px     style Extend fill:#fff,stroke:#000,stroke-width:1px     </pre>		
<b>Use Case Number:</b>	UC07	
<b>Use case Name:</b>	Quản lý nhà cung cấp	
<b>Actor (s):</b>	Nhân viên quản lý	
<b>Maturity:</b>	Focused	
<b>Summary:</b>	Quản lý cửa hàng sẽ quản lý tất cả các nhà cung cấp xe trong cửa hàng	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Xác nhận { Đăng nhập }	
		2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.
	3. Actor chọn chức năng “Nhà cung cấp”.	
		4. Hệ thống hiển thị thông tin các nhà cung cấp được lưu trong

		database
	5. Actors lựa chọn thao tác . <b>A1, A2, A3, A4, A5, A6</b>	
		6. Hệ thống hiển thị bảng nhập thông tin
	7. Actor nhập thông tin	
	8. Actor chọn “Xác nhận” <b>A7,E1</b>	
		9. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database.  <b>Use case kết thúc.</b>
<b>Alternative Paths:</b>	<b>A1.</b> Actor chọn thêm nhà cung cấp mới, hệ thống quay lại bước 6 <b>Basic Course of Events</b>	
	<b>A2.</b> Actor chọn tài khoản cần xóa và quay lại bước 8 <b>Basic Course of Events</b> .	
	<b>A3.</b> 1. Actor chọn sửa thông tin nhà cung cấp hiện tại.	
		<b>2.</b> Hệ thống hiển thị bảng thông tin của nhà cung cấp cần sửa và quay lại bước 7 <b>Basic Course of Events</b> .
	<b>A4.</b> Actor chọn “Tìm”	
	1. Actor nhập thông tin cần tìm	

	<p><b>2.</b> Hệ thống hiển thị thông tin theo yêu cầu bước 9 <b>Basic Course of Events.</b></p>
	<p><b>A5.</b> Actor chọn “Công nợ”, Di chuyển sang <b>UC05.2</b></p>
	<p><b>A6.</b> Actor chọn “Huỷ”, hệ thống quay trở lại bước 4 <b>Basic course of events.</b></p>
<b>Exception Paths:</b>	<p><b>E1.</b> Nếu Mã NCC đã tồn tại trong database, hệ thống thông báo người dùng rằng sản phẩm đã tồn tại và quay trở lại bước 6 <b>Basic course of events.</b></p>
<b>Extension Points:</b>	None
<b>Triggers:</b>	Khi có yêu cầu từ cấp trên
<b>Preconditions:</b>	Đăng nhập vào hệ thống
<b>Postconditions:</b>	Cập nhật thông tin trên database
<b>Activity Diagram:</b>	



## Sequence Diagram:



### GUI Sample:

Quản Lý Nhà Cung Cấp

### Quản Lý Nhà Cung Cấp

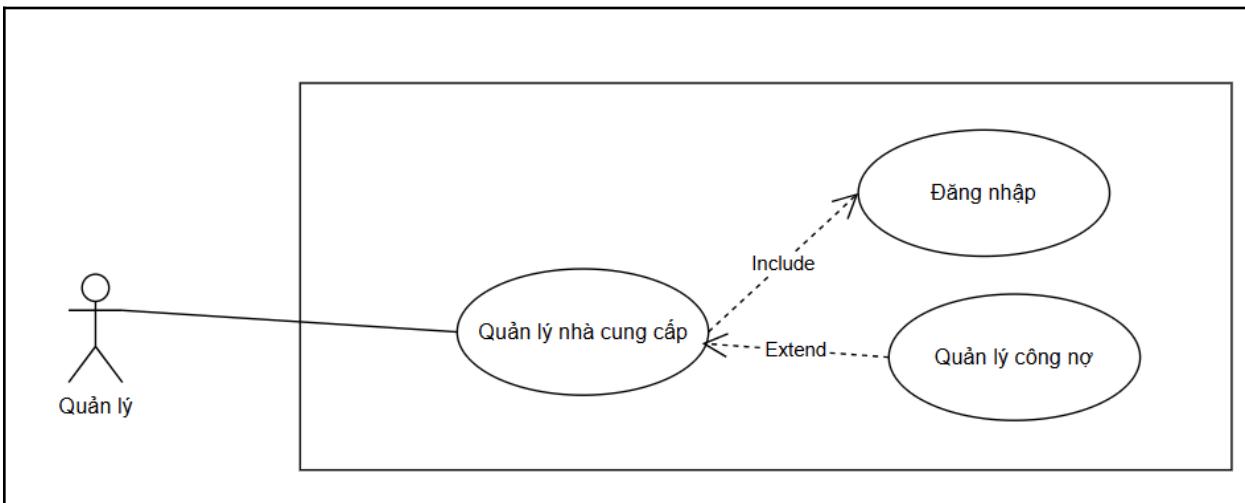
Nhập thông tin nhà cung cấp

Mã NCC:  Tên NCC:

Danh sách khách hàng

Mã NCC	Tên NCC	Địa chỉ	Số điện thoại	email	Trạng thái
NCC01	Honda	TPHCM	0911223344	H@gmail	Block
NCC02	Yamaha	Hà Nội	0922334455	Y@gmail	Hoạt Động

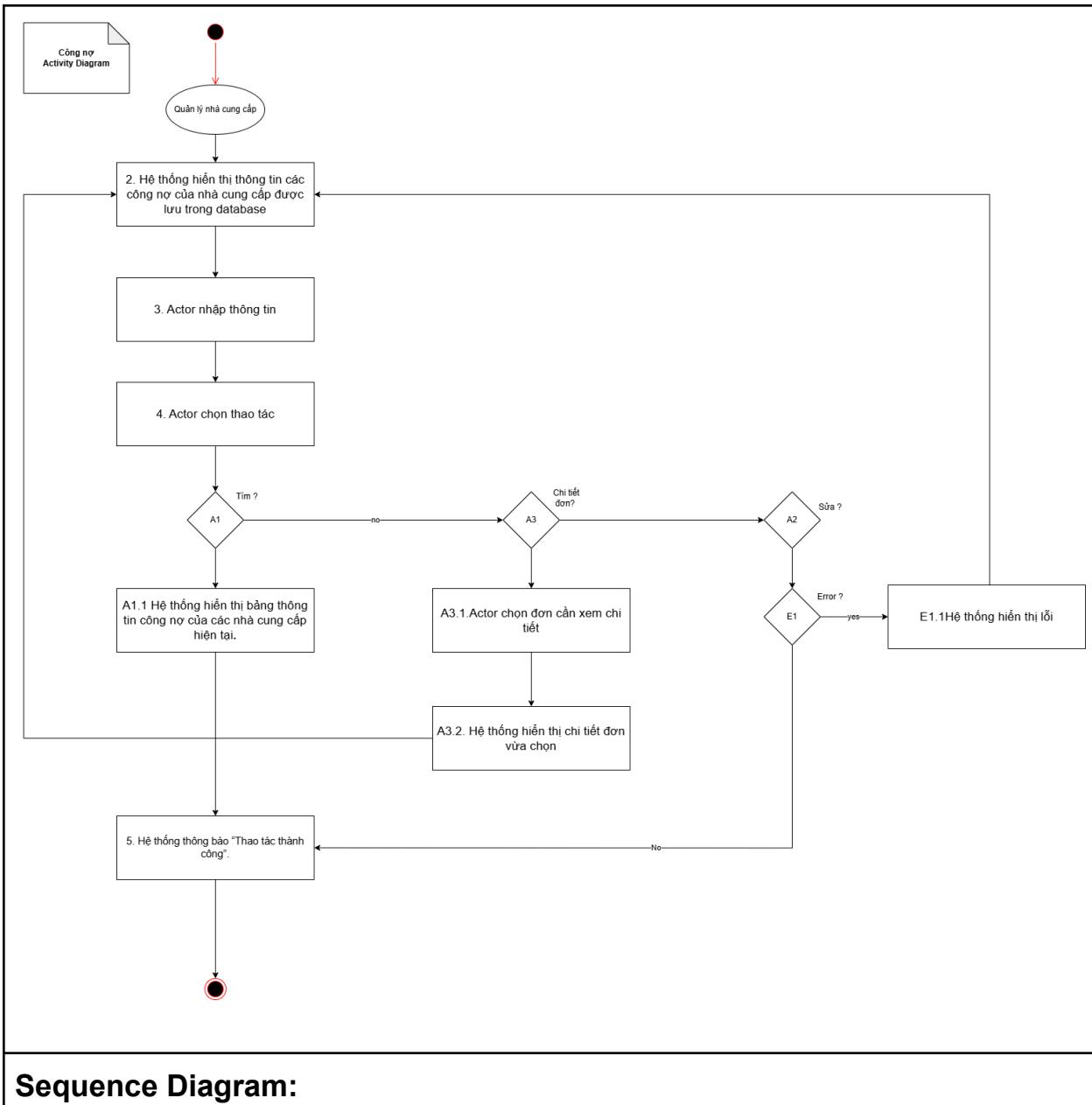
### UC08 Quản lý công nợ



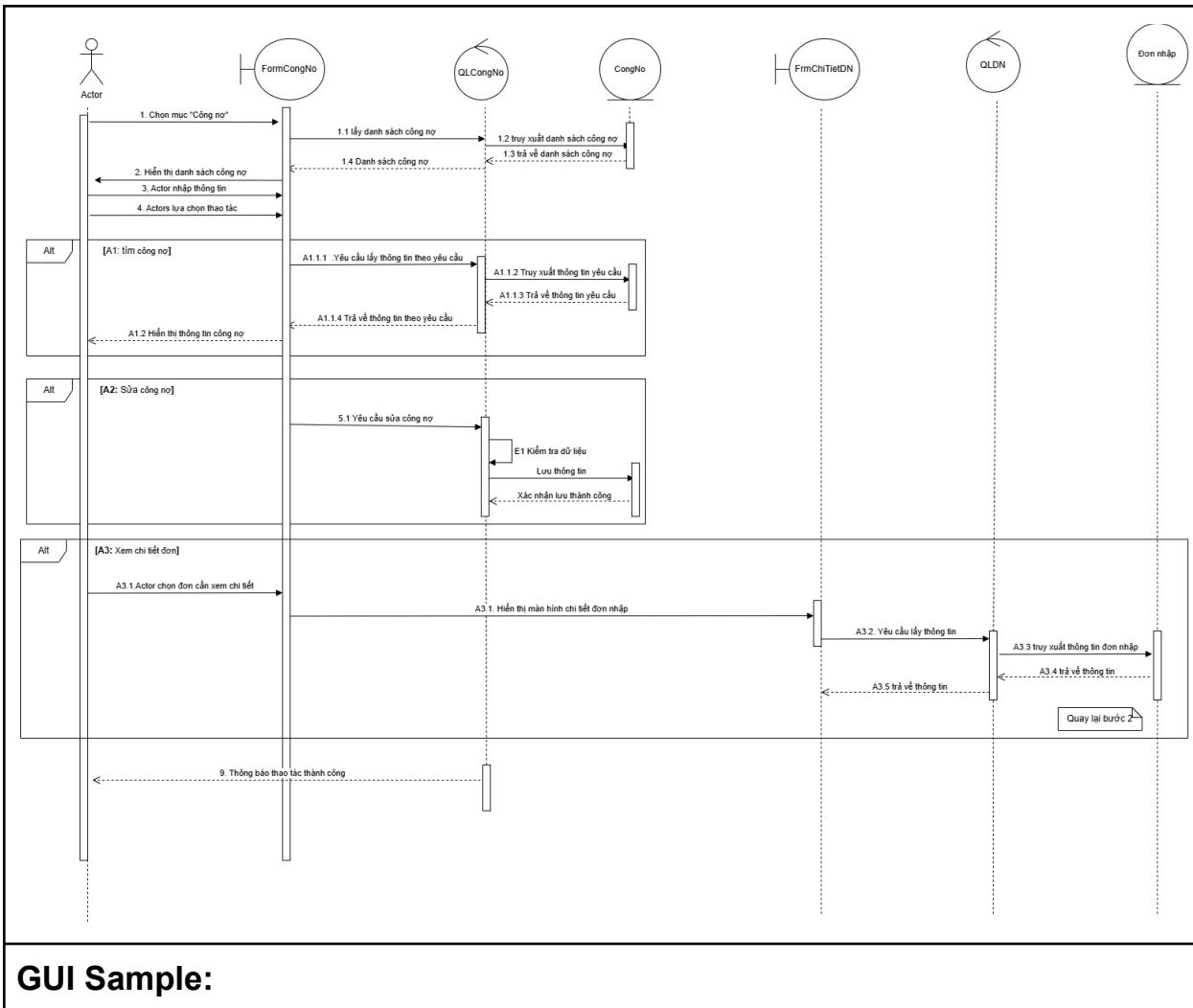
Use Case Number:	UC08
Use case Name:	Quản lý công nợ
Actor (s):	Nhân viên quản lý
Maturity:	Focused

<b>Summary:</b>	Quản lý cửa hàng sẽ quản lý tất cả các thông tin về số tiền đã thanh toán, nợ của các nhà cung cấp trong cửa hàng.	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Actor chọn “Công Nợ” {Quản lý NCC}	
		2. Hệ thống hiển thị thông tin các công nợ của nhà cung cấp được lưu trong database
	3. Actor nhập thông tin	
	4. Actors lựa chọn thao tác . A1, A2, A3	
<b>Alternative Paths:</b>		5. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database.  <b><i>Use case kết thúc.</i></b>
	<b>A1.</b> 1. Actor chọn tìm	
		2. Hệ thống hiển thị bảng thông tin công nợ của các nhà cung cấp hiện tại. quay lại bước 5 <b>Basic Course of Events.</b>
	<b>A2.</b> 1. Actor chọn sửa thông tin nhà cung cấp hiện tại. E1 quay lại bước 5 <b>Basic Course of Events.</b>	
	<b>A3. Actor chọn “Chi tiết đơn”</b>	

	<p><b>1. Actor chọn đơn cần xem chi tiết</b></p>	
		<p>2. Hệ thống hiển thị chi tiết đơn quay lại bước 2 <b>Basic Course of Events.</b></p>
<b>Exception Paths:</b>	<p><b>E1.</b> Nếu có lỗi thì thông báo lỗi và trở về bước 2 <b>Basic course of events.</b></p>	
<b>Extension Points:</b>	None	
<b>Triggers:</b>	Khi có yêu cầu từ cấp trên	
<b>Preconditions:</b>	Đăng nhập vào hệ thống	
<b>Postconditions:</b>	Cập nhật thông tin trên database	
<b>Activity Diagram:</b>		



### Sequence Diagram:



**GUI Sample:**

**Quản Lý Nhà Cung Cấp**

### Nhập thông tin nhà cung cấp

Mã NCC:  Tên NCC:

Danh sách khách hàng					
Mã NCC	Tên NCC	Phiếu nhập	Tổng Nợ	Đã thanh toán	Còn nợ
NCC02	Yamaha	PNK003	1.000.230.000	500.000.000	500.770.000
NCC01	Honda	PNK001	85.541.000	85.541.000	0
NCC02	Yamaha	PNK001	522.445.310	0	522.445.310

**Chi tiết phiếu nhập**

Mã phiếu nhập: PNK001 Nhà cung cấp Honda

Ngày nhập 02/04/2020 Ghi chú None

Tổng tiền 1.000.230.000

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
HH001	AirBlade	Cái	50	15.000.000	750.000.000
HH003	Winner	Cái	50	5.004.600	25.023.000

## UC09. Quản lý bán hàng

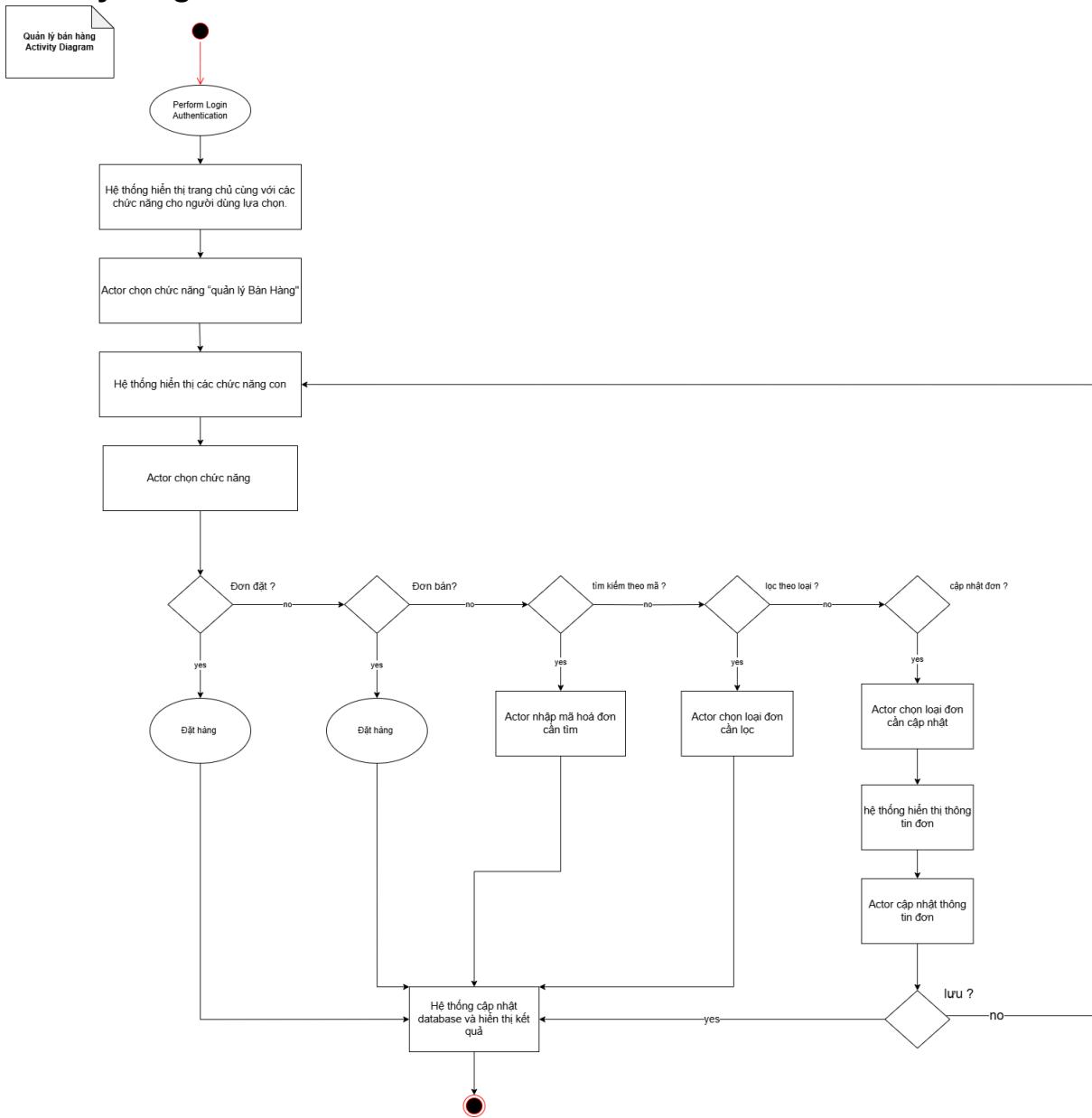
<b>Use Case Number:</b>	<b>UC09</b>	
<b>Use Case Name:</b>	Quản lý bán hàng	
<b>Actor (s):</b>	Quản lý, nhân viên cửa hàng, printer	
<b>Maturity:</b>	Focused	
<b>Summary:</b>	Quản lý hoặc nhân viên cửa hàng sẽ xem được các đơn bán hàng và đặt hàng trong hệ thống	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Xác nhận { Đăng nhập }	
		2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.
	3. Actors chọn “Quản lý bán hàng”.	
		4. Hệ thống hiển thị các chức năng: - Tìm kiếm đơn theo mã

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lọc theo loại đơn</li> <li>- Cập nhật thông tin đơn hàng</li> <li>- Chức năng bán hàng</li> <li>- Chức năng đặt hàng</li> </ul>
	5. Actor lựa chọn thao tác <b>A1, A2, A3, A4, A5</b>	
		<p>6. Hệ thống cập nhật database và hiển thị kết quả</p> <p><b>Use Case kết thúc</b></p>
<b>Alternative Paths:</b>		<b>A1.</b> Actor chọn “Bán hàng”
		<p>2. Hệ thống hiển thị giao diện chức năng bán hàng. Di chuyển sang <b>focus Use Case 11</b></p>
<b>A2.</b> Actor chọn “Đặt hàng”		
		<p>2. Hệ thống hiển thị giao diện chức năng bán hàng. Di chuyển sang <b>focus Use Case 12</b></p>
<b>A3.</b> Actor chọn cập nhật đơn đặt		
		2. Actor chọn đơn cần cập nhật

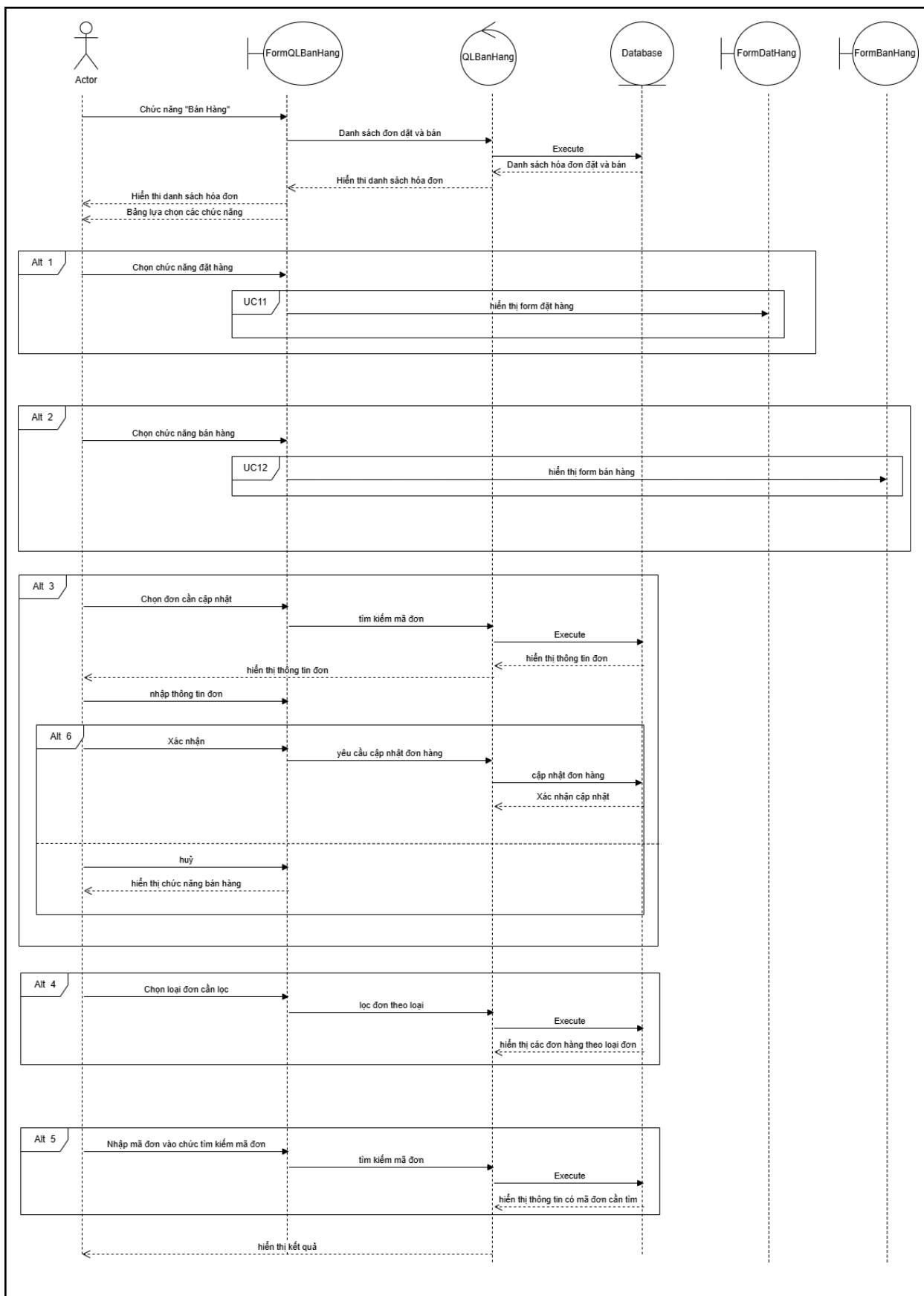
		3. Hệ thống hiển thị thông tin đơn
	4. Actor cập nhật hoá đơn	
	5. Actor ‘xác nhận lưu’ <b>A6</b> quay về bước 6 <b>Basic Course of Events.</b>	
	<b>A4</b> Actor chọn lọc theo loại đơn	
	.Actor chọn lọc loại đơn cần lọc Quay về bước 6 <b>Basic Course of Events.</b>	
	<b>A5</b> Actor chọn tìm kiếm theo mã đơn	
	Actor nhập mã đơn cần tìm Quay về bước 6 <b>Basic Course of Events.</b>	
	<b>A6.</b> Actor chọn “Hủy” thông tin đã nhập, hệ thống sẽ trả thông tin về phiên bản đã lưu trước đó. Trở về bước 4 <b>Basic Course of Events.</b>	
<b>Exception Paths:</b>	<b>None</b>	
<b>Extension Points:</b>	None	
<b>Triggers:</b>	Actor sẽ không thực hiện bất kỳ thay đổi nào nếu không có ý kiến từ cấp trên.	
<b>Assumptions:</b>	None.	

<b>Preconditions:</b>	Actor phải đăng nhập vào hệ thống
<b>Post Conditions:</b>	Các thông tin được cập nhật trong kho dữ liệu

### Activity Diagram:



### Sequence Diagram:



## GUI

The screenshot shows a Windows application window titled "Quản lý bán hàng". The interface includes a search bar, two buttons ("Bán hàng" and "Đặt hàng"), and two tables.

**Danh sách phiếu đặt hàng**

	Mã Phiếu đặt hàng	Mã sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Giá bán	Thời gian	Mã phiếu xuất kho	Trạng thái
	PĐH001	HH001	1	78000000	78000000	14/11/2024	PXK001	Hoàn thành
	PĐH003	HH003	2	18000000	36000000	11/12/2023		Chưa hoàn thành

**Danh sách hóa đơn bán**

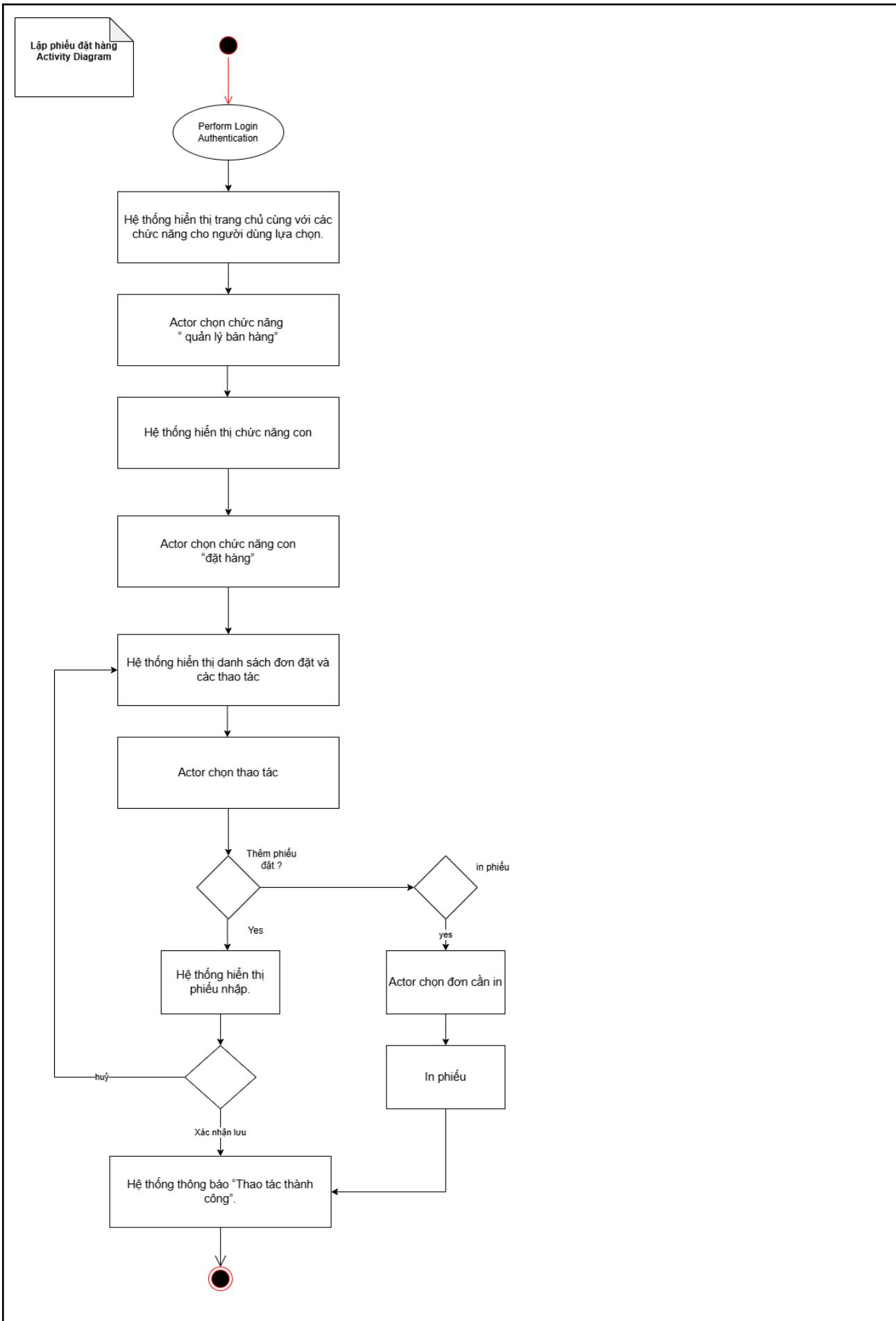
	Mã hóa đơn bán	Mã Phiếu xuất kho	Mã phiếu đặt hàng	Mã sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Giá bán	Trạng thái
	HĐB001	PXK001	PĐH001	HH001	1	78000000	78000000	Hoàn thành
	HĐB002	PXK002	PĐH002	HH003	2	18000000	36000000	Hoàn thành

## UC10. Đặt hàng

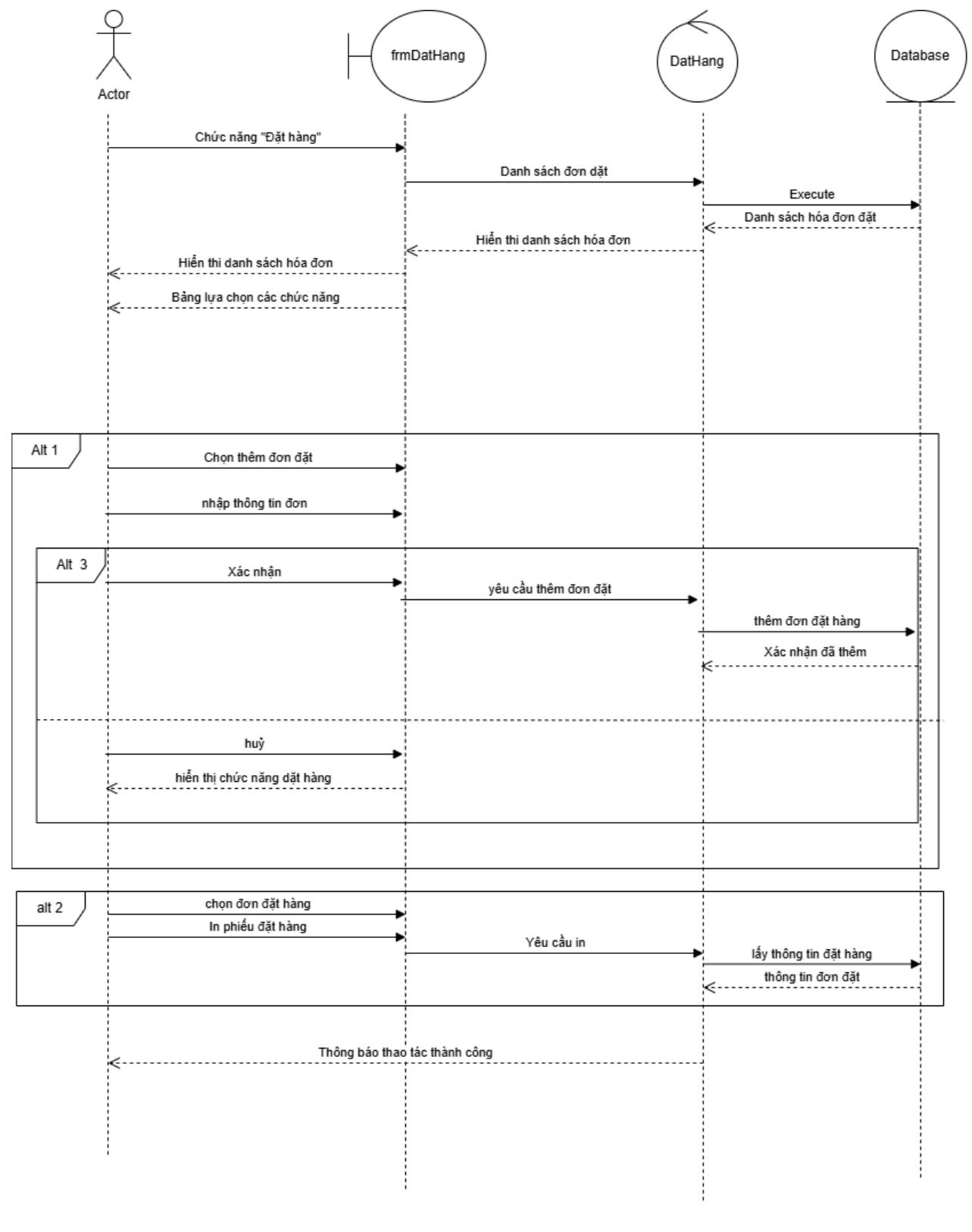
<b>Use Case Number:</b>	UC10
<b>Use Case Name:</b>	Đặt hàng
<b>Actor (s):</b>	Quản lý, nhân viên bán hàng, printer
<b>Maturity:</b>	Focused
<b>Summary:</b>	Chức năng này cho phép thực hiện các thao tác đặt cọc/đặt hàng để gửi yêu cầu đến kho xuất bán
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>
	1. Xác nhận { Đăng nhập }
	3. Actors chọn “Quản lý bán hàng”.
	4. Hệ thống hiển thị chức năng con

	5. Actor chọn chức năng 'Đặt hàng'	
		6. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt và các chức năng: - Lập phiếu đặt hàng - In phiếu đặt hàng
	7. Actor chọn chức năng <b>A1, A2</b>	
		8. Hệ thống thông báo "Thao tác thành công" và lưu thay đổi vào database. <b>Use Case kết thúc</b>
<b>Alternative Paths:</b>		<b>A1.</b> Actor chọn lập phiếu đặt
		2. Hệ thống phiếu đặt hàng
	3. Actor nhập thông tin phiếu đặt hàng	
	5. Actor 'xác nhận lưu' <b>A3</b> quay về bước 8 <b>Basic Course of Events.</b>	
<b>A2.</b> Actor chọn in phiếu đặt hàng		
	2. Actor chọn đơn cần in	
		3. In phiếu quay về bước 8 <b>Basic Course of Events.</b>

	<b>A3.</b> Actor chọn “Hủy” thông tin đã nhập, hệ thống sẽ trả thông tin về phiên bản đã lưu trước đó. Trở về bước 6 <b>Basic Course of Events</b> .
<b>Exception Paths:</b>	<b>none</b>
<b>Extension Points:</b>	None
<b>Triggers:</b>	Actor sẽ không thực hiện bất kỳ thay đổi nào nếu không có ý kiến từ cấp trên.
<b>Assumptions:</b>	None.
<b>Preconditions:</b>	Actor phải đăng nhập vào hệ thống và vào chức năng quản lý bán hàng
<b>Post Conditions:</b>	Các thông tin được cập nhật trong kho dữ liệu
<b>Activity Diagram:</b>	



## Sequence Diagram:



## GUI: Sample:

Phiếu đặt hàng

### Phiếu đặt hàng

Nhập thông tin phiếu đặt hàng

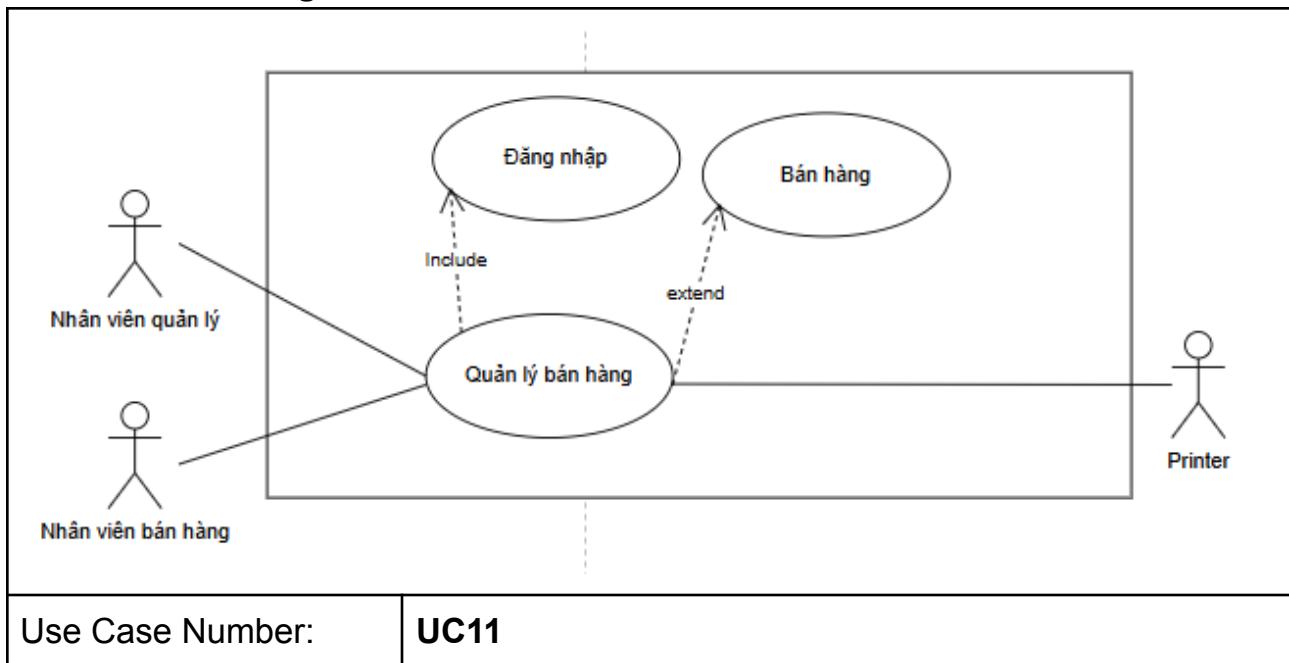
Mã Phiếu Đặt Hàng:	Giá bán
Mã Sản Phẩm:	Đặt cọc
Số lượng	Thời gian

**Thêm** **In phiếu**

Danh sách phiếu nhập kho

	Mã Phiếu Đặt Hàng	Mã sản phẩm	Số lượng	Giá bán	Đặt cọc	Đã thanh toán
	PĐH001	HH001	1	5000000	1000000	14/11/2024
	PĐH002	HH003	1	1800000	500000	11/11/2024

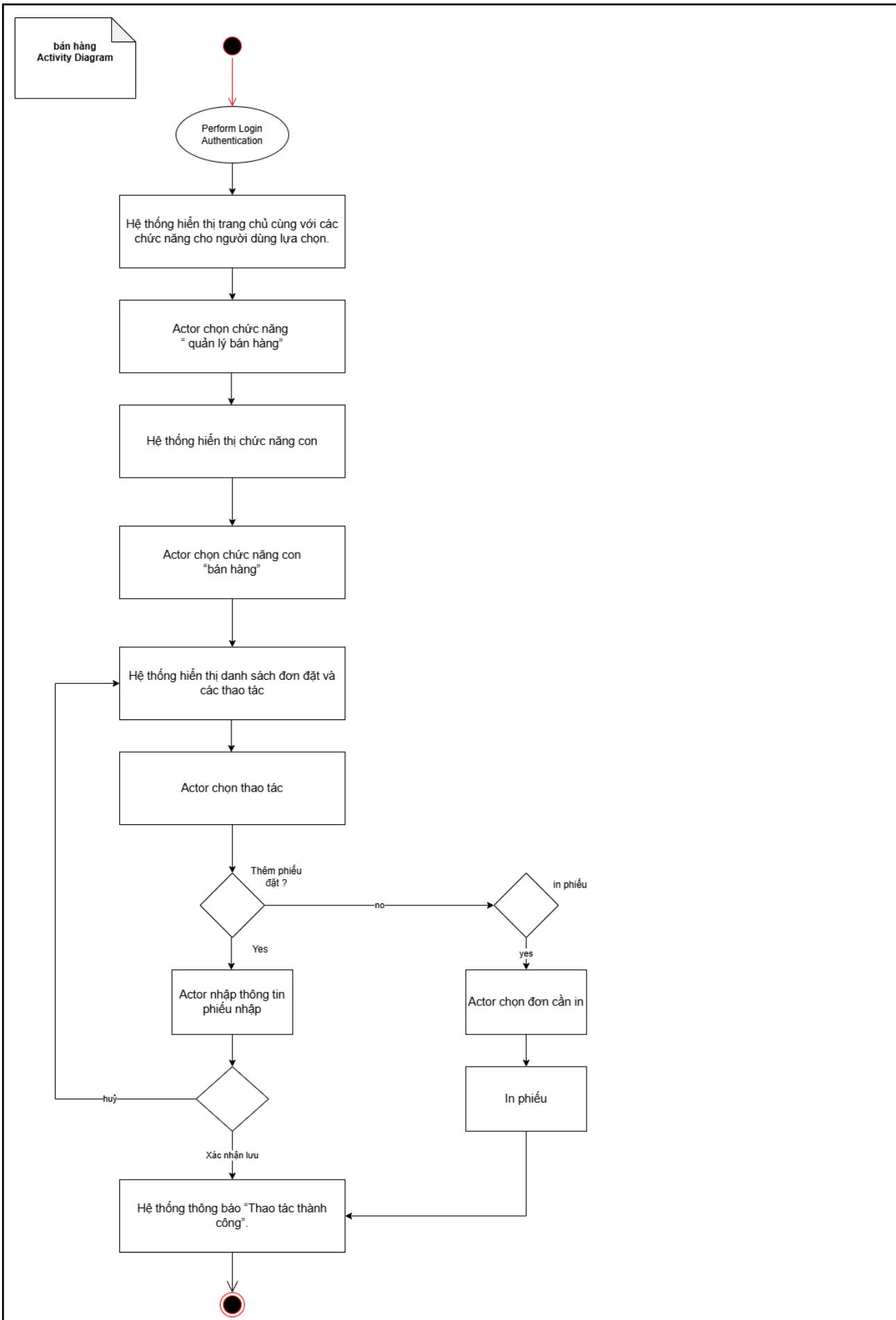
## UC11. Bán hàng



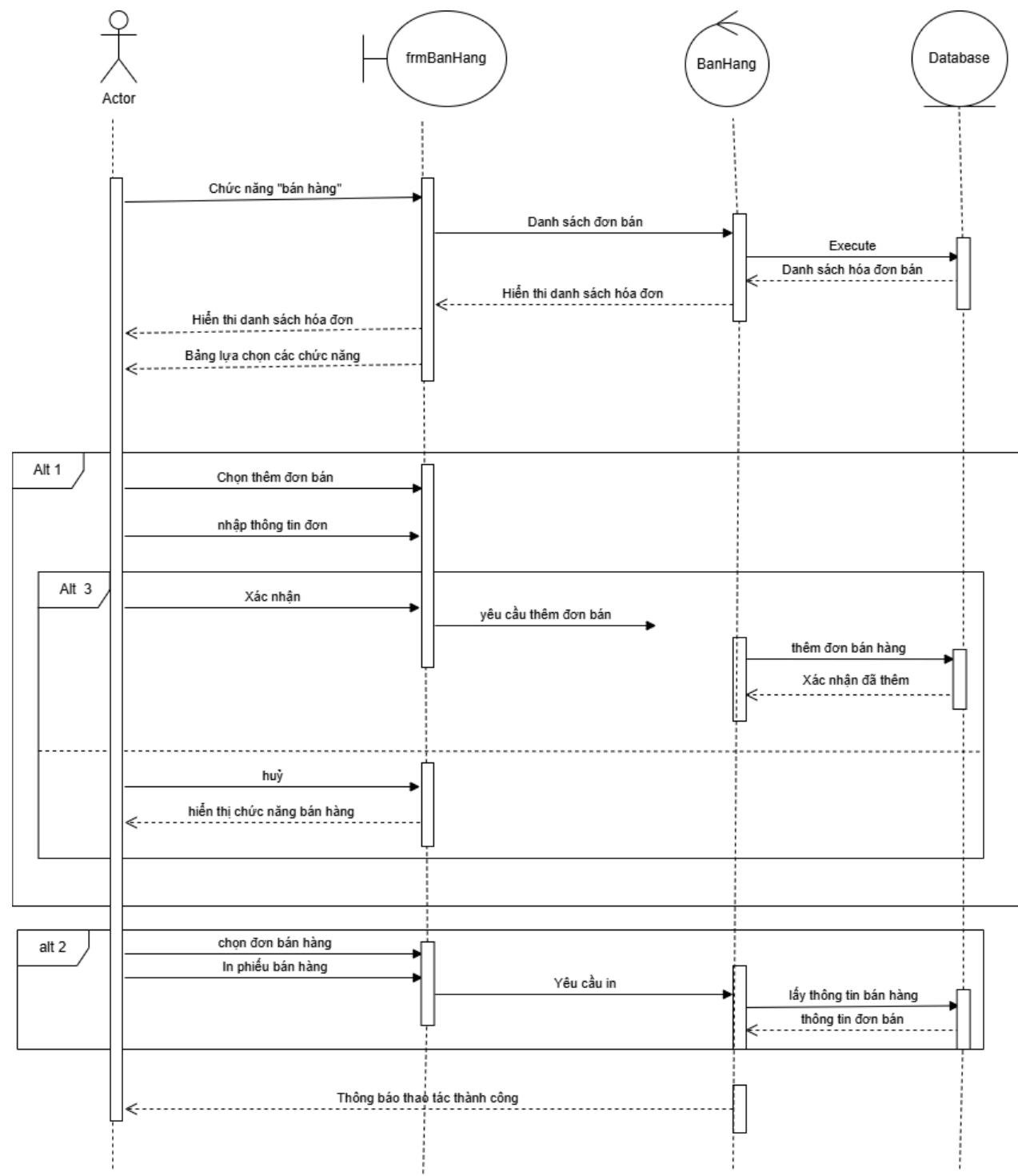
Use Case Name:	Bán hàng	
Actor (s):	Quản lý, nhân viên bán hàng	
Maturity:	Focused	
Summary:	Chức năng này cho phép thực hiện các thao tác bán xe cho khách hàng sau khi xe được xuất kho.	
<b>Basic Course of Events:</b>	Actor Action	System Response
	1. Xác nhận { Đăng nhập }	
		2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.
	3. Actors chọn “Quản lý bán hàng”.	
		4. Hệ thống hiển thị chức năng con
	5. Actor chọn chức năng ‘Đặt hàng’	
		6. Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt và các chức năng: - Lập phiếu bán hàng - In phiếu bán hàng - Lập phiếu trả
	7. Actor chọn chức năng A1, A2, A3	
		8. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database. <b>Use Case kết thúc</b>

Alternative Paths:	A1. Actor chọn lập phiếu bán	
	1 Actor nhập thông tin phiếu đặt hàng	
	2. Actor ‘xác nhận lưu’ A4 quay về bước 8 Basic Course of Events.	
	A2. Actor chọn in phiếu đặt hàng	
	2. Actor chọn đơn cần in	
		3. In phiếu quay về bước 8 Basic Course of Events.
	A3. Actor chọn Lập phiếu trả	
	1 Actor nhập thông tin phiếu trả hàng	
	2. Actor ‘xác nhận lưu’ A4 quay về bước 8 Basic Course of Events.	
	A4. Actor chọn “Hủy” thông tin đã nhập, hệ thống sẽ trả thông tin về phiên bản đã lưu trước đó. Trở về bước 6 Basic Course of Events.	
Exception Paths:	None	
Extension Points:	None	
Triggers:	Actor sẽ không thực hiện bất kỳ thay đổi nào nếu không có ý kiến từ cấp trên.	
Assumptions:	None.	

Preconditions:	Actor phải đăng nhập vào hệ thống
Post Conditions:	Các thông tin được cập nhật trong kho dữ liệu
<b>Activity Diagram:</b>	



## Sequence Diagram:



## GUI Sample:

**Phiếu bán hàng**

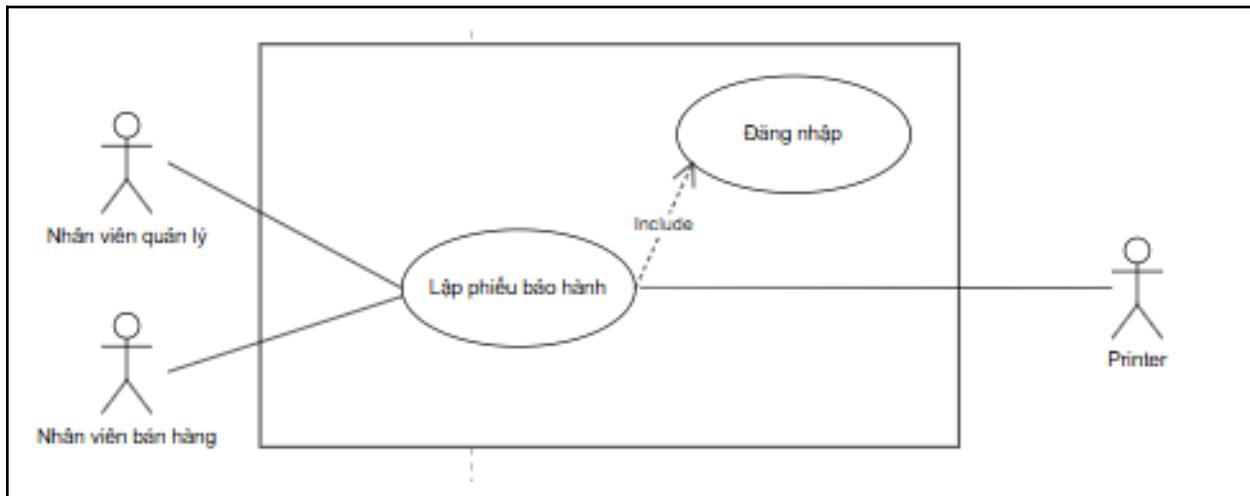
**Nhập thông tin phiếu đặt hàng**

Mã Phiếu bán hàng	Đặt cọc
Mã Phiếu xuất kho	Số tiền còn lại
Mã Sản Phẩm:	Thời gian
Mã Khách Hàng:	Số lượng

**Danh sách phiếu bán hàng**

Mã Phiếu bán hàng	Mã Phiếu xuất kho	Mã sản phẩm	Mã Khách Hàng	Số lượng	Đặt cọc	Số tiền còn lại	Thời gian
PBH001	PXK001	HH001	KH001	1	1000000	40000000	14/11/2024
PBH002	PXK002	HH002	KH002	1	500000	13000000	11/11/2024

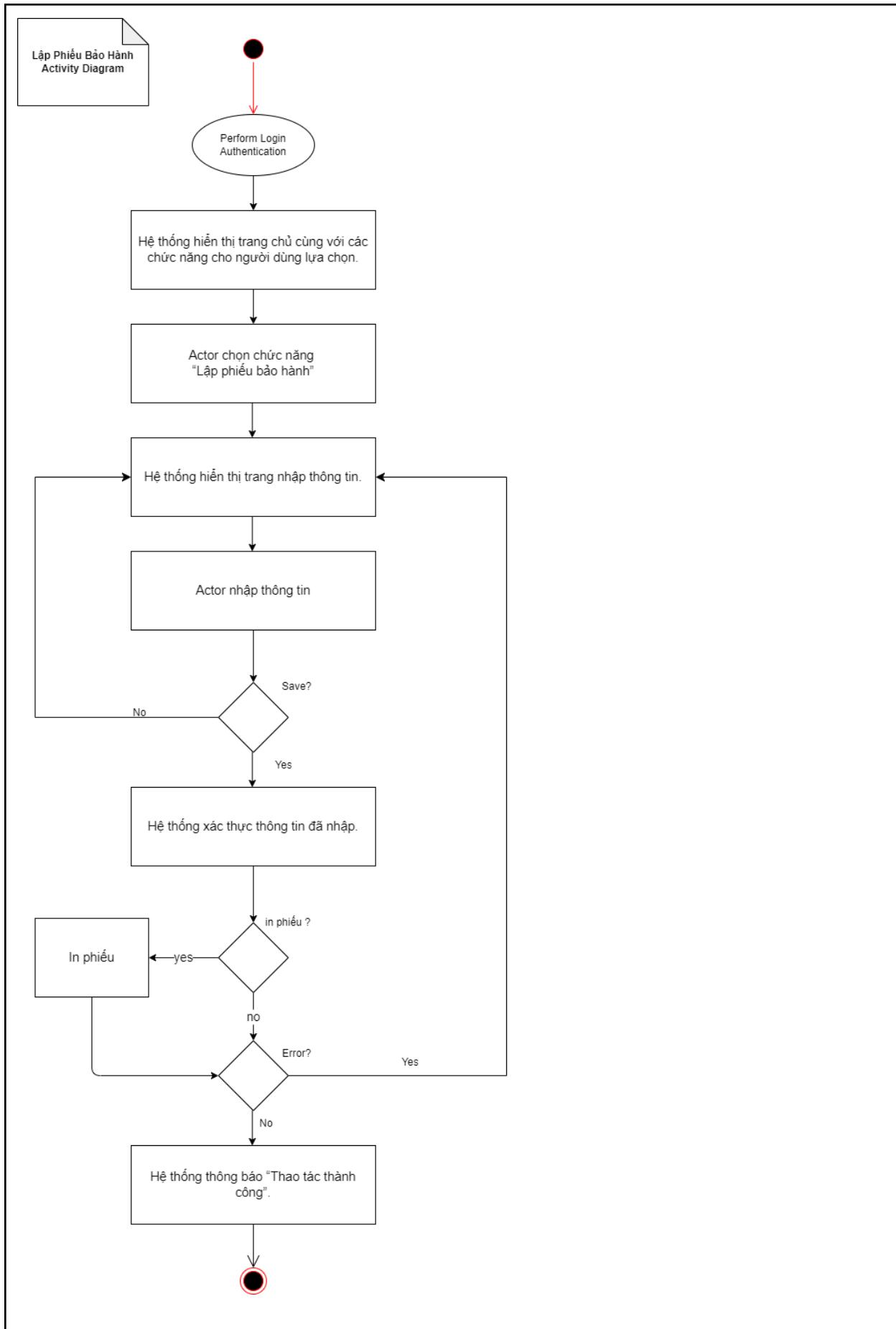
### UC12. Lập phiếu bảo hành



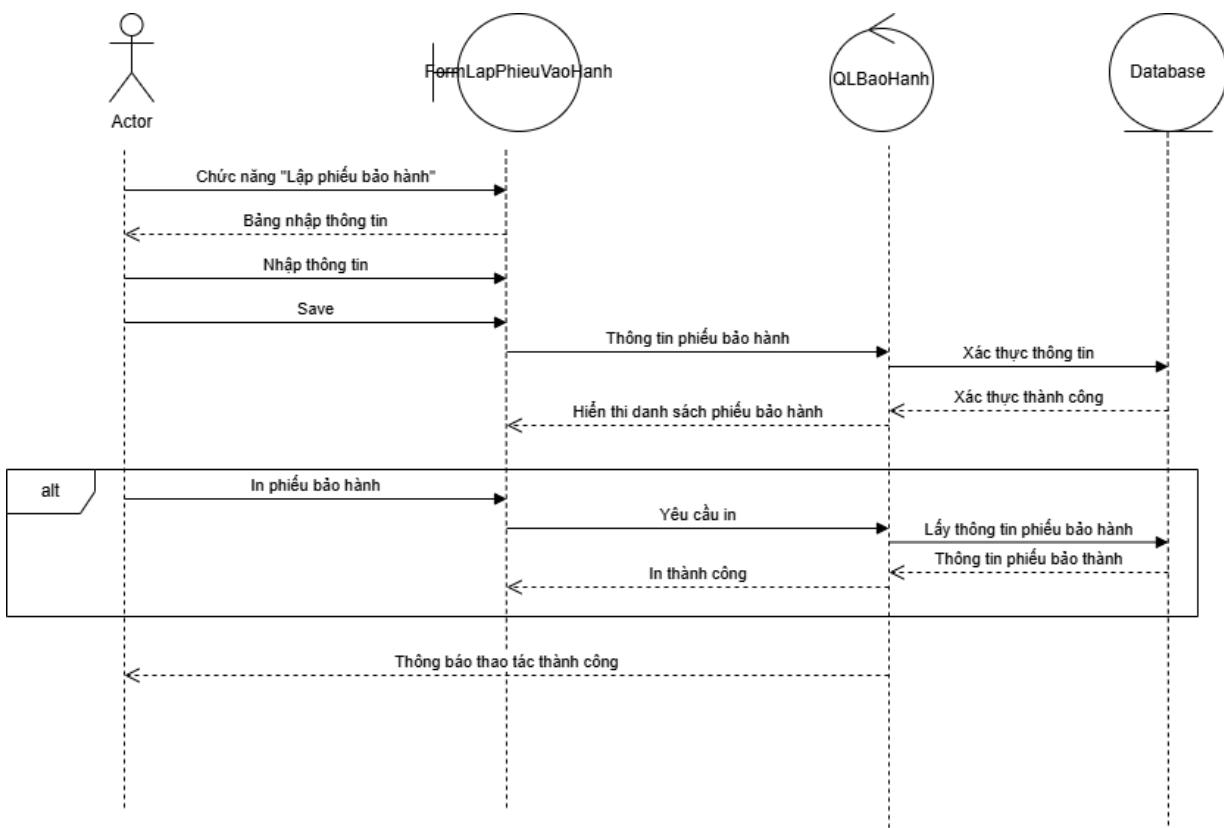
<b>Use Case Number:</b>	UC12
<b>Use Case Name:</b>	Lập phiếu bảo hành
<b>Actor (s):</b>	Quản lý, nhân viên cửa hàng
<b>Maturity:</b>	Focused

<b>Summary:</b>	Chức năng này cho phép thực hiện các thao tác lập phiếu bảo hành sau khi xe được mua bởi khách hàng.	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Xác nhận { Đăng nhập }	
		2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.
	3. Actors chọn “Bảo hành”.	
		4. Hệ thống hiển thị trang nhập thông tin: - Mã hóa đơn - Thời gian - Ghi chú
	5. Actor nhập thông tin và “Lưu” thông tin đã nhập. <b>A1</b> , <b>A2</b>	
		6. Hệ thống xác thực thông tin đã nhập. <b>E1</b>
		7. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database.  <b>Use Case kết thúc</b>
<b>Alternative Paths:</b>	<b>A1.</b> Actor chọn “Hủy” thông tin đã nhập, hệ thống sẽ trả thông tin về phiên bản đã lưu trước đó. Trở về bước 4 <b>Basic Course of Events</b> .  <b>A2.</b> Actor có thể lựa chọn in phiếu bảo hành	

<b>Exception Paths:</b>	E1. Nếu có lỗi trong quá trình xác thực, hệ thống thông báo lỗi và quay trở lại 4 <b>Basic Course of Event.</b>
<b>Extension Points:</b>	None
<b>Triggers:</b>	Có đơn mua hàng trong hệ thống
<b>Assumptions:</b>	None.
<b>Preconditions:</b>	Actor phải đăng nhập vào hệ thống
<b>Post Conditions:</b>	Các thông tin được cập nhật trong kho dữ liệu
<b>Activity Diagram:</b>	



## Sequence Diagram:



## GUI Sample:

**Phiếu Bảo Hành**

**Nhập thông tin phiếu bảo hành**

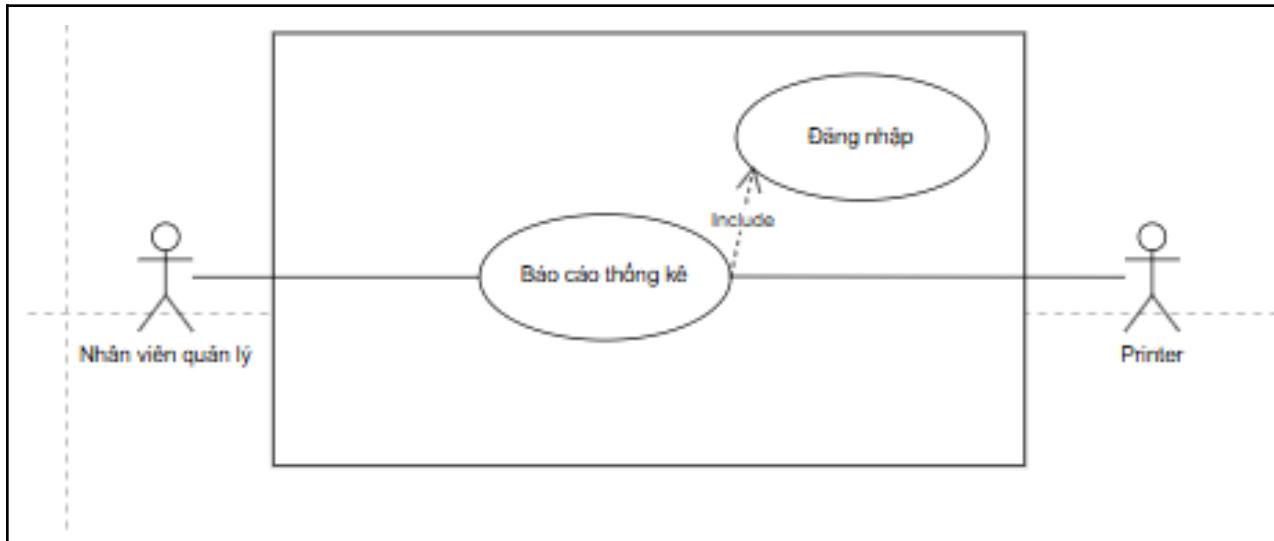
Mã Hóa Đơn:  Mã Khách hàng:  Tên khách hàng:

Trạng thái:  Thời gian lập:

**Danh sách phiếu bảo hành**

Mã Phiếu BH	Mã khách hàng	Tên Khách hàng	Mã Hóa Đơn	Thời gian lập phiếu	Trạng thái
BH001	KH001	Nguyễn Văn A	HD002	17/11/2024	Còn hạn
BH002	KH002	Nguyễn Văn B	HD004	11/11/2024	Hết hạn

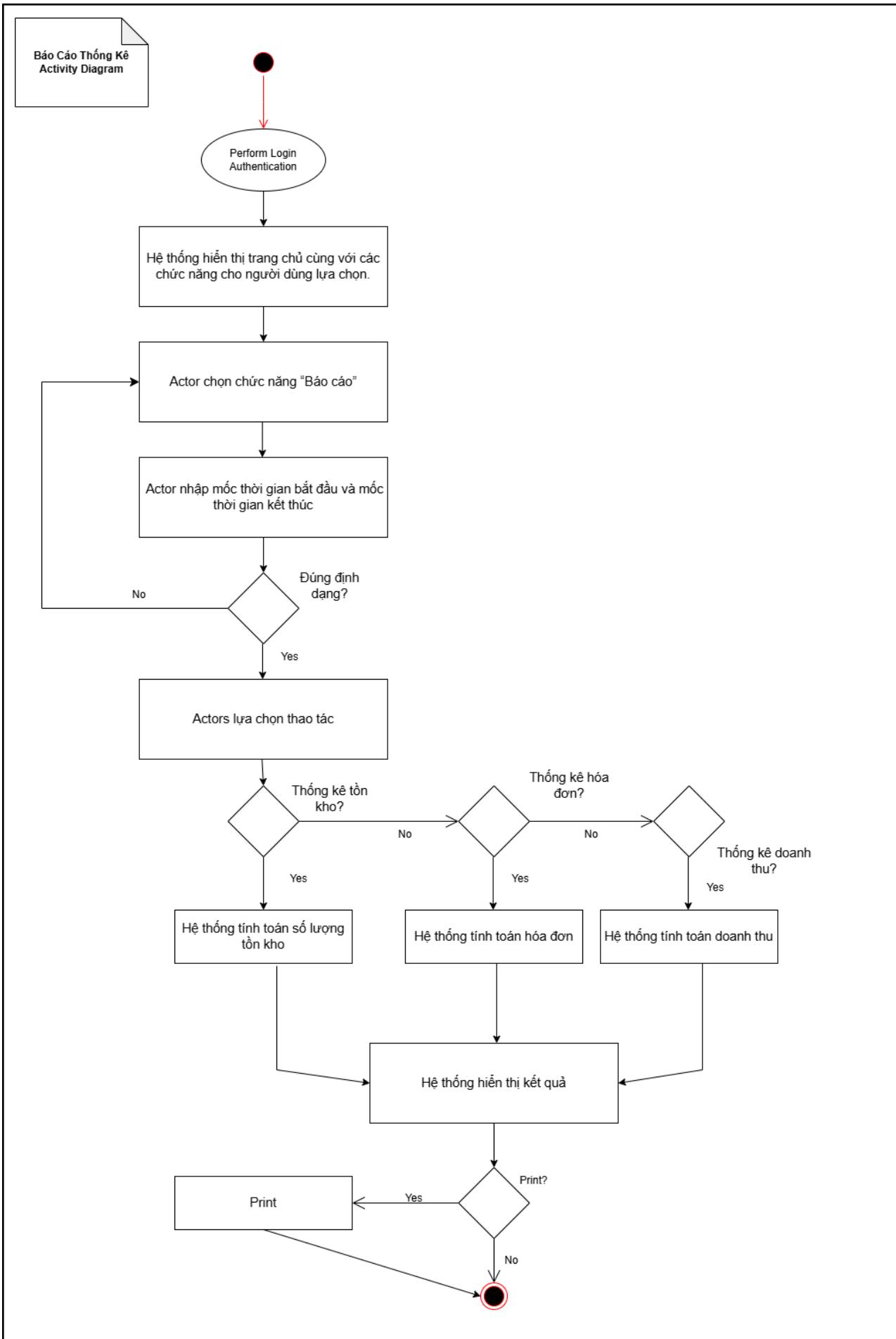
### UC13. Báo cáo thống kê



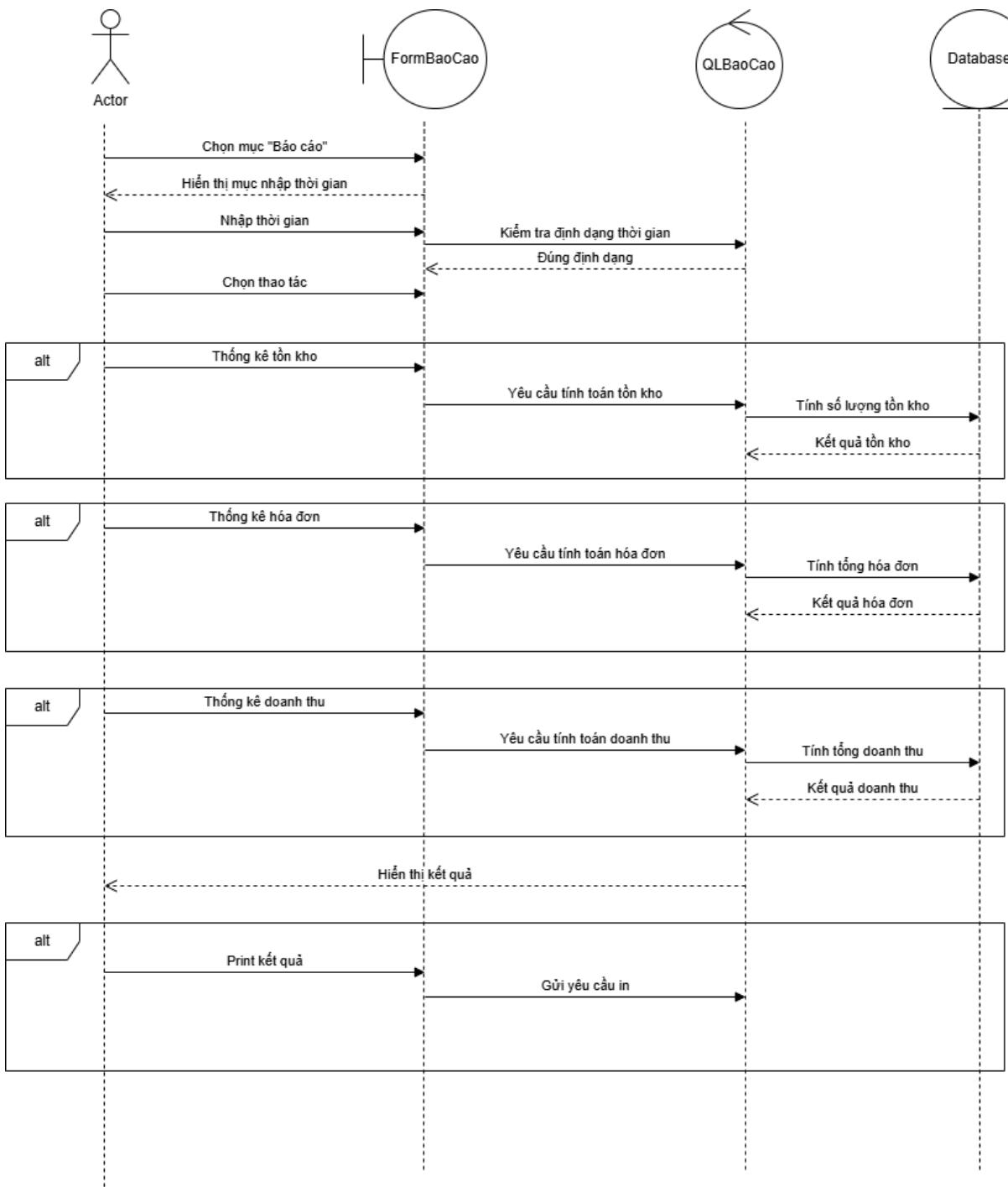
Use Case Number:	UC13
Use Case Name:	Báo cáo thống kê
Actor (s):	Quản lý

<b>Maturity:</b>	Focused	
<b>Summary:</b>	Chức năng này cho phép thực hiện thống kê tồn kho và doanh thu.	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Xác nhận { Đăng nhập }	
		2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.
	3. Actors chọn “Báo cáo”.	
		4. Hệ thống hiển thị danh mục: - Thống kê tồn kho - Thống kê hóa đơn - Thống kê doanh thu
	5. Actor nhập mốc thời gian bắt đầu và mốc thời gian kết thúc. <b>E1</b>	
	5. Actor chọn thao tác. <b>A1, A2, A3</b>	
		6. Hệ thống hiển thị kết quả <b>A4</b> <b>Use Case kết thúc</b>
<b>Alternative Paths:</b>	<b>A1.</b> Actor chọn thống kê tồn kho.	
		<b>A1.1.</b> Hệ thống tính toán số lượng tồn kho, thời gian tồn kho của các sản phẩm.

	<b>A2.</b> Actor chọn thống kê hóa đơn.	
	<b>A2..1.</b> Hệ thống tính toán hóa đơn bán đã được lập	
	<b>A3.</b> Actor chọn thống kê doanh thu.	
	<b>A3.1.</b> Hệ thống tính toán doanh thu dựa trên tổng số tiền của hóa đơn bán, lãi sau khi trừ giá nhập.	
	<b>A4.</b> Actor có thể lựa chọn in ra kết quả báo cáo	
<b>Exception Paths:</b>	<b>E1.</b> Nếu mốc thời gian không đúng định dạng hoặc không chính xác, hệ thống thông báo lỗi và quay trở lại 4 <b>Basic Course of Event</b> .	
<b>Extension Points:</b>	None	
<b>Triggers:</b>	Actor sẽ không thực hiện bất kỳ thay đổi nào nếu không có ý kiến từ cấp trên.	
<b>Assumptions:</b>	None.	
<b>Preconditions:</b>	Actor phải đăng nhập vào hệ thống	
<b>Post Conditions:</b>	Các thông tin actor cần được hiển thị.	
<b>Activity Diagram:</b>		



## Sequence Diagram:



## GUI Sample:

Báo Cáo Thống Kê

Báo Cáo Thống Kê

Số lượng tồn kho      Doanh thu      Hóa Đơn Bán      In

Số lượng tồn kho

	Mã Sản Phẩm	Ngày Nhập Gần Nhất	Số lượng nhập kho	Số lượng xuất kho	Tồn kho
	HH001	11/11/2024	200	120	80
	HH002	15/11/2024	100	5	95

Doanh thu

	Mã HD	Ngày bán	Giá bán	Giá vốn	Doanh thu
	HD001	02/09/2024	20000000	15000000	5000000
	HD002	15/11/2024	19000000	17000000	2000000

## UC014. Quản lý nhập kho

<b>Use Case Number:</b>	UC14	
<b>Use Case Name:</b>	Quản lý nhập kho	
<b>Actor (s):</b>	Quản lý, nhân viên kho	
<b>Maturity:</b>	Focused	
<b>Summary:</b>	Chức năng này cho phép thực hiện các thao tác nhập các sản phẩm mới vào kho.	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Xác nhận { Đăng nhập }	
		2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.
	3. Actors chọn “Quản lý nhập kho”.	

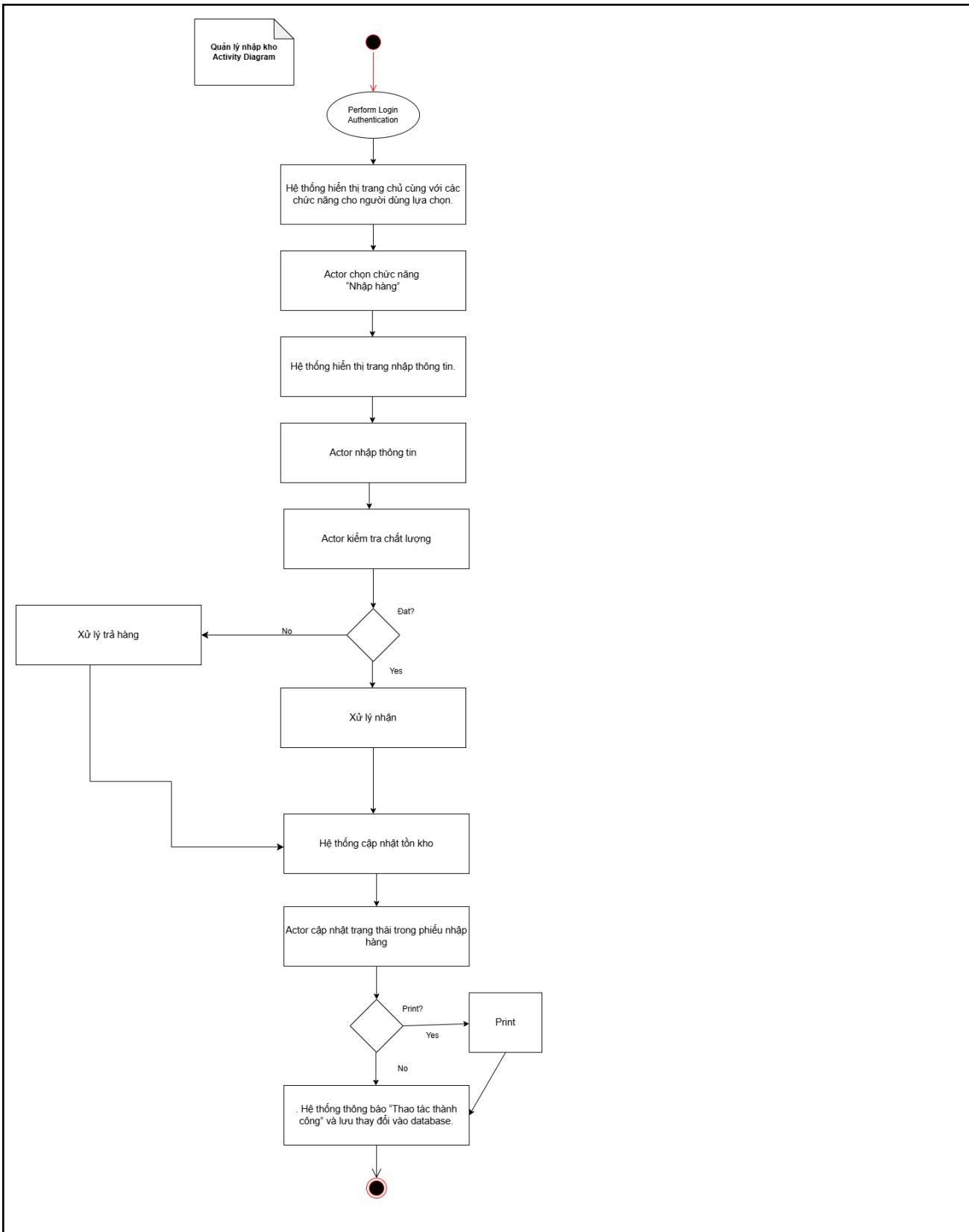
	4. Hệ thống hiển thị phiếu nhập hàng
	5. Nhập thông tin phiếu nhập
	6. Actor kiểm tra chất lượng
	7. Actor xử lý nhận hàng đạt chất lượng <b>A1</b>
	8. Cập nhật tồn kho
	9. Actor cập nhật trạng thái trong phiếu nhập hàng <b>A2</b>
	10. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database. <b>Use Case kết thúc</b>
<b>Alternative Paths:</b>	<p><b>A1.</b> Nếu hàng không đạt chất lượng thì xử lý trả và quay bước 7.</p> <p><b>A2.</b> Actor có thể lựa chọn in phiếu nhập kho</p>
<b>Exception Paths:</b>	None
<b>Extension Points:</b>	None
<b>Triggers:</b>	Actor nhận được yêu cầu cần nhập hàng từ cấp trên
<b>Assumptions:</b>	None.
<b>Preconditions:</b>	Actor phải đăng nhập vào hệ thống
<b>Post Conditions:</b>	Các thông tin được cập nhật trong kho dữ liệu

**Business Rule:**

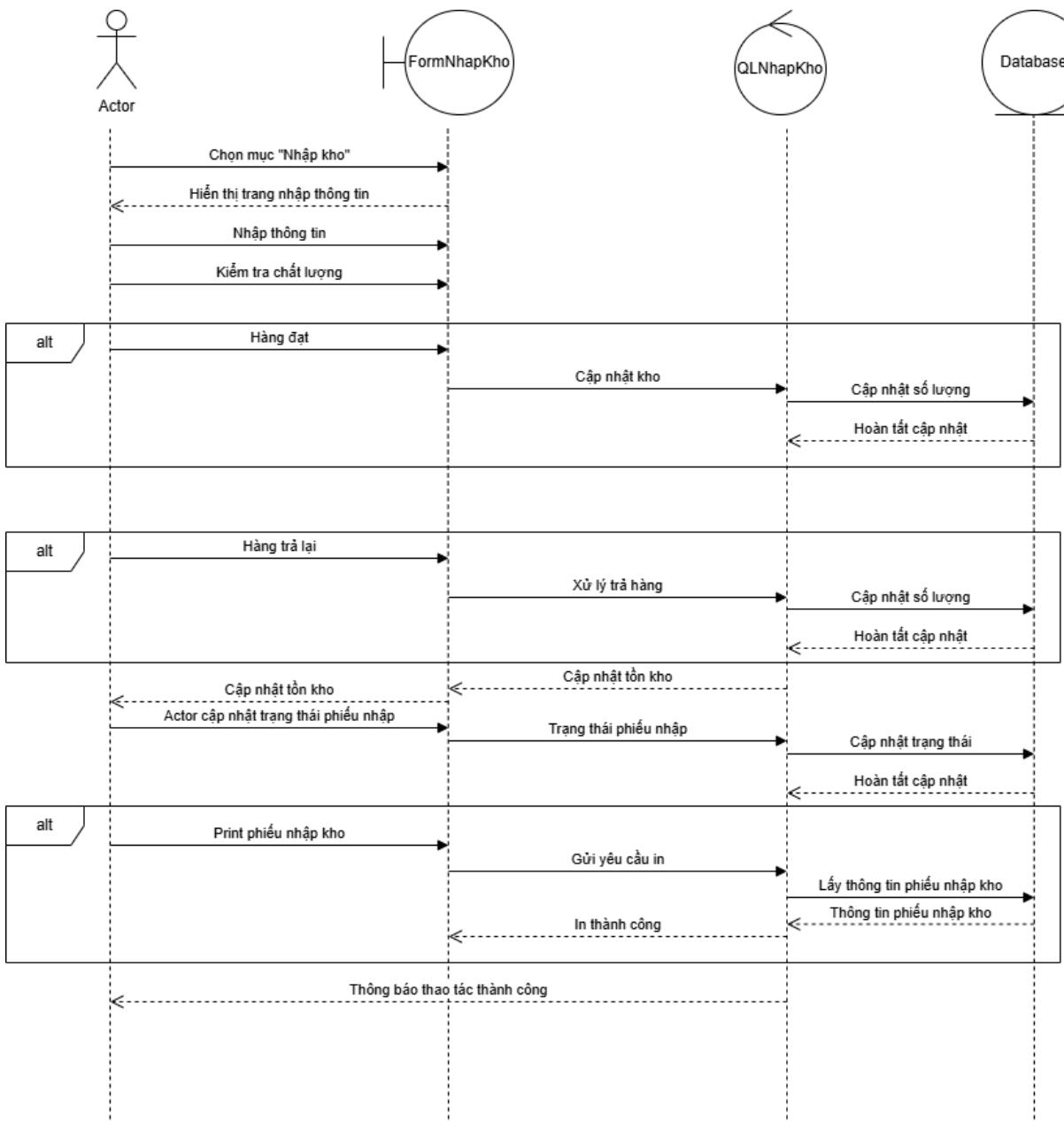
**BR-01:** Sản phẩm phải đáp ứng tất cả các tiêu chí kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn đã định nghĩa.

**BR-02:** Sản phẩm có ít nhất một tiêu chí không đạt sẽ bị đánh giá là Không đạt.

**Activity Diagram:**



## Sequence Diagram:



## GUI Sample:

**Phiếu nhập kho**

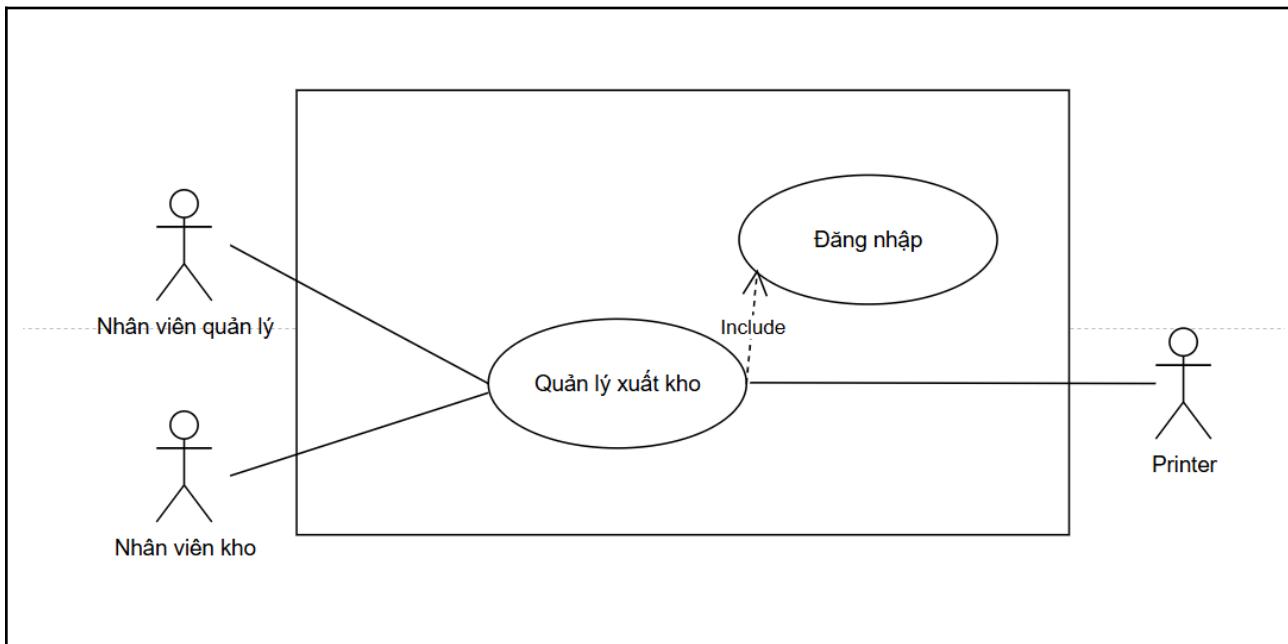
**Phiếu nhập kho**

<b>Mã phiếu nhập:</b>	PNK001	<b>Nhà cung cấp:</b>	Honda
<b>Ngày nhập:</b>	02/04/2020	<b>Ghi chú:</b>	None

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá
HH001	AirBlade	Cái	50	15.000.000
HH003	Winner	Cái	50	5.004.600

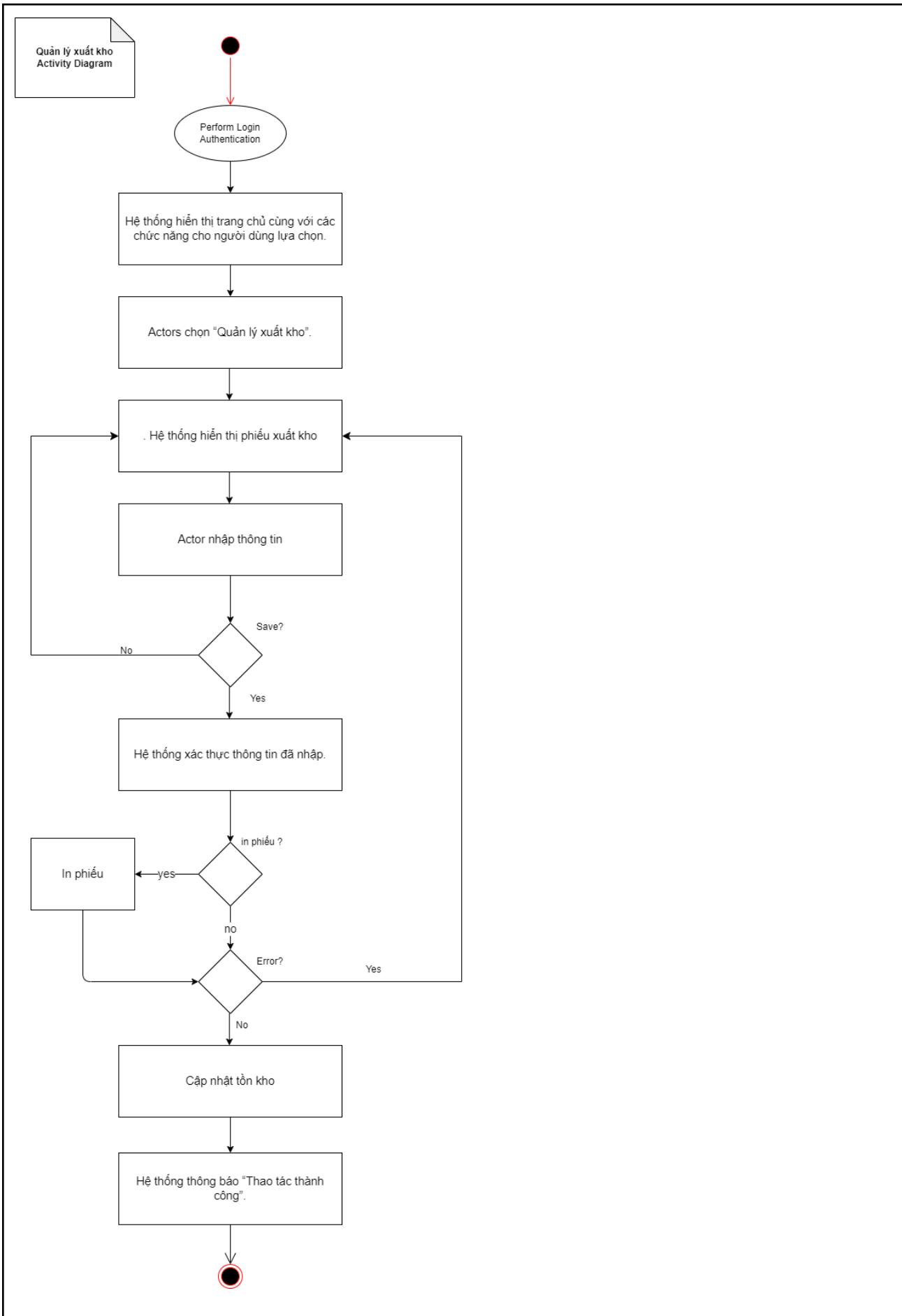
**Thêm** **Phiếu trả** **In phiếu**

## UC15. Quản lý xuất kho

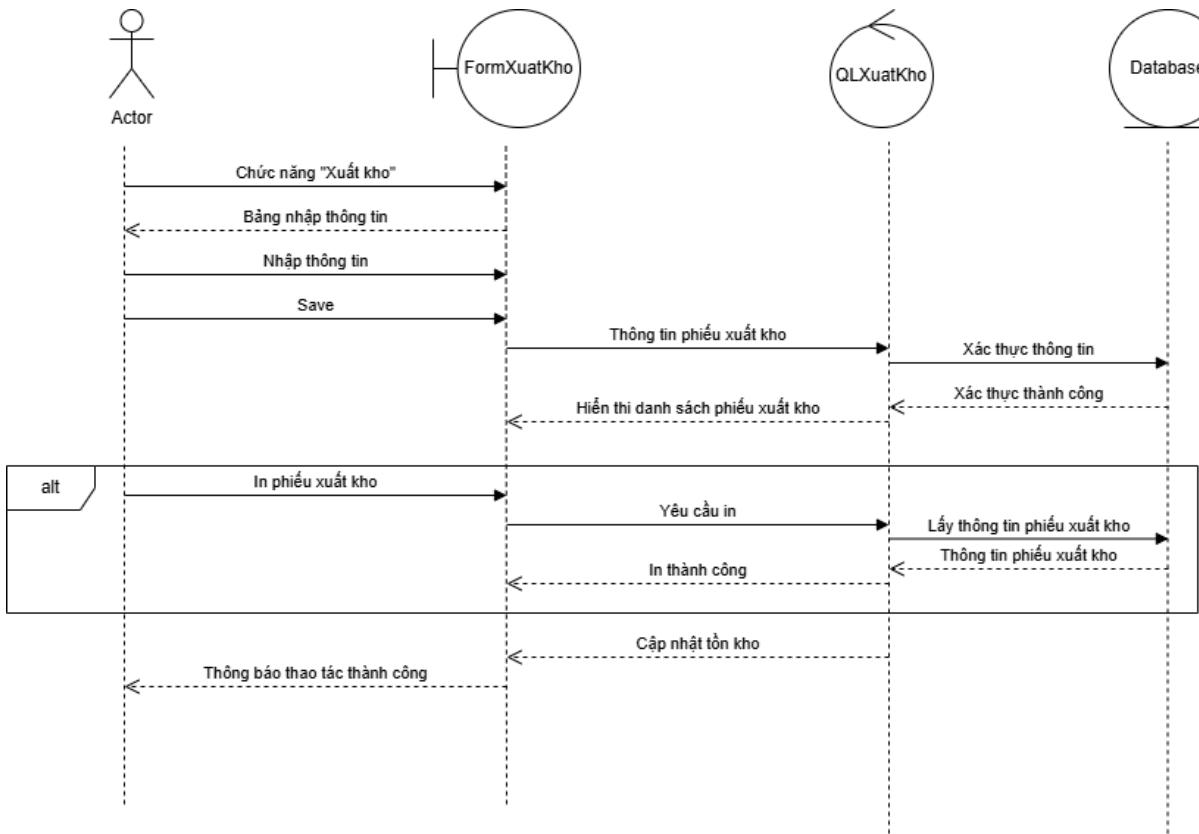


<b>Use Case Number:</b>	UC15	
<b>Use Case Name:</b>	Quản lý xuất kho	
<b>Actor (s):</b>	Quản lý, nhân viên kho	
<b>Maturity:</b>	Focused	
<b>Summary:</b>	Chức năng này cho phép thực hiện các thao tác xuất các sản	
<b>Basic Course of Events:</b>	<b>Actor Action</b>	<b>System Response</b>
	1. Xác nhận { Đăng nhập }	
	3. Actors chọn “Quản lý xuất kho”.	2. Hệ thống hiển thị trang chủ cùng với các chức năng cho người dùng lựa chọn.

		4. Hệ thống hiển thị phiếu xuất kho
	5. Actor nhập thông tin và “Lưu” thông tin đã nhập. <b>A1, A2</b>	
		7. Cập nhật tồn kho
		8. Hệ thống thông báo “Thao tác thành công” và lưu thay đổi vào database. <b>Use Case kết thúc</b>
<b>Alternative Paths:</b>	<b>A1.</b> Actor chọn “Hủy” thông tin đã nhập, hệ thống sẽ trả thông tin về phiên bản đã lưu trước đó. Trở về về bước 4 <b>Basic Course of Events.</b>	
	<b>A2.</b> Actor chọn in phiếu xuất hàng	
<b>Exception Paths:</b>	None	
<b>Extension Points:</b>	None	
<b>Business Rule</b>	Mỗi lần xuất chỉ được xuất 1 sản phẩm	
<b>Triggers:</b>	Bộ phận quản lý bán hàng gửi yêu cầu xuất kho	
<b>Assumptions:</b>	None.	
<b>Preconditions:</b>	Actor phải đăng nhập vào hệ thống	
<b>Post Conditions:</b>	Các thông tin được cập nhật trong kho dữ liệu	
<b>Activity Diagram:</b>		



## Sequence Diagram:



## GUI Sample:

## Phiếu xuất kho

**Phiếu xuất kho****Nhập thông tin phiếu xuất kho****Mã Phiếu Đặt Hàng:****Đơn giá****Mã Sản Phẩm:****Giá bán****Số lượng:****Thời gian****Danh sách phiếu xuất kho****Thêm****In phiếu**

	Mã Phiếu xuất kho	Mã sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Giá bán	Thời gian
	PXK001	HH001	1	78000000	78000000	14/11/2024
	PXK002	HH003	2	18000000	36000000	11/12/2023